

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**  
**WESTERN – SAIGON BEER  
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: **53** /2025/WSB

Cần Thơ, ngày **28** tháng 03 năm 2025  
Can Tho, March **28**, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange (HNX)

1. **Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
*Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company*
- Mã chứng khoán/ Stock code: WSB
  - Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam  
*Address: Tra Noc Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City, Vietnam*
  - Điện thoại/Tel: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
  - E-mail: sabecomientay@mientay.sabeco.com.vn

**2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố Báo cáo thường niên năm 2024/ *Western – Saigon Beer Joint Stock Company announces the 2024 Annual Report.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày **28**/03/2025 tại đường dẫn: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html/>

*This information was published on the company's website on March **28**, 2025 as in the link: [http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html](http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html/).*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/ Attached documents**  
- Báo cáo thường niên năm 2024/ *The 2024 Annual Report*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION REPRESENTATIVE**

**Người đại diện theo pháp luật**  
*Legal representative*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)



**Lê Đăng Khoa**





CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
2024

[www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)





# 01

## THÔNG TIN CHUNG

- » Thông tin khái quát
- » Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- » Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- » Định hướng phát triển
- » Các rủi ro

# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- » Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- » Tổ chức và nhân sự
- » Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- » Tình hình tài chính
- » Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- » Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

# 03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- » Phân tích chung
- » Tình hình tài chính
- » Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- » Kế hoạch phát triển trong tương lai
- » Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- » Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

# 04

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- » Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc
- » Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

# 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- » Hội đồng quản trị
- » Ban kiểm soát
- » Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

# 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

- » Ý kiến kiểm toán
- » Báo cáo tài chính





# 01 THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Quản trị rủi ro



Tên viết tắt	: WESABECO
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 1800586579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 13/04/2005, thay đổi lần 12 ngày 27/11/2023
Vốn điều lệ	: 145.000.000.000 đồng
Địa chỉ	: Khu công nghiệp Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Số điện thoại	: 02923 843 333
Số fax	: 02923 843 222
Email	: sabecomientay@mientay.sabeco.com.vn
Website	: www.wsb-sabeco.com.vn
Mã cổ phiếu	: WSB
Sàn giao dịch	: UPCOM

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY  
(WESTERN - SAI GON BEER JOINT STOCK COMPANY)





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

#### Năm 2002

Công ty cổ phần (CTCP) Bia Sài Gòn – Miền Tây tiền thân là 02 nhà máy trực thuộc Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO): bao gồm Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng với công suất mỗi nhà máy 10 triệu lít bia/ năm.

#### Năm 2005

Ngày 01/5/2005, 02 Nhà máy Cần Thơ và Sóc Trăng được chính thức chuyển đổi thành CTCP Bia Sài Gòn – Cần Thơ và CTCP Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, với vốn điều lệ lần lượt là 90 tỷ đồng và 55 tỷ đồng, trong đó SABECO nắm 51% vốn điều lệ.

#### Năm 2006

Ngày 06/06/2006, trên cơ sở hợp nhất 02 đơn vị gồm CTCP Bia Sài Gòn – Cần Thơ và CTCP Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây được thành lập với công suất là 70 triệu lít bia mỗi năm, vốn điều lệ là 145 tỷ đồng, trong đó SABECO chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty.

#### Năm 2007

Tháng 6/2007, CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây chính thức trở thành Công ty đại chúng. Ngày 29/06/2007, CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây góp vốn thành lập CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu (chiếm 20% vốn điều lệ của Công ty).

#### Năm 2010

Ngày 10/08/2010, Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán WSB tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

#### Năm 2014

Ngày 01/01/2014, Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng 2 (thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Bia Sài Gòn – Sóc Trăng) chính thức đưa vào khai thác, với công suất thiết kế 50 triệu lít bia mỗi năm và sản phẩm chính là bia lon Sài Gòn các loại.

#### Năm 2015

Dự án “Đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ” hoàn thiện và đi vào hoạt động với công suất 50 triệu lít bia mỗi năm và sản phẩm chính là bia chai Sài Gòn các loại.

#### Năm 2016

Ngày 29/4/2016, nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng (cũ) chính thức giải thể. CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây tròn 10 năm hình thành và phát triển, vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng

#### Năm 2022

Hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất khoảng 1MW chính thức được đấu nối vào hệ thống điện của 2 nhà máy giúp Công ty tiết kiệm được chi phí điện năng đồng thời cắt giảm mức tiêu thụ năng lượng cho sản xuất.

#### Năm 2023

SABECO đã nâng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây từ 51% lên 70,55% vốn điều lệ.

#### Năm 2024

SABECO đã nâng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây từ 70,55% lên 84,46% vốn điều lệ.

Công ty tiếp tục duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh và mức chi cổ tức hấp dẫn, cam kết mang lại giá trị tốt nhất cho cổ đông.





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

#### Năm 2013

- » Huân chương Lao động hạng Ba cho tập thể CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây, Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng.
- » Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2013” do Bộ Công thương trao tặng cho 03 tập thể: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây, Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng.
- » Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương cho 03 tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013 bao gồm: CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây, Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng.
- » Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ tặng cho CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây đã có thành tích xuất sắc trong công tác sản xuất kinh doanh năm 2013.

#### Năm 2014

- » Huân chương Lao động hạng Ba cho tập thể Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng.
- » Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2014” do Bộ Công thương trao tặng cho các tập thể CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây, Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ, Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng



#### Năm 2015

Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua 2015” của Bộ Công thương trao tặng cho tập thể CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ

#### Năm 2016

- » Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước trao tặng cho tập thể CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây, đồng thời kỷ niệm 10 năm hình thành và phát triển Công ty.
- » Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua 2016” do Bộ Công thương trao tặng cho tập thể CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây

## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia (Chính);

Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;

Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;

Bán buôn đồ uống;

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, nứa) và động vật sống (Kinh doanh, xuất khẩu nông sản, nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát; Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Kinh doanh phụ phẩm) (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải);

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Kinh doanh bất động sản theo các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản), (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);

Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;

Nuôi trồng thủy sản nội địa;

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật);

Xay xát và sản xuất bột thô (Chi tiết: Chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát)





## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### ĐỊA BÀN KINH DOANH

#### TRỤ SỞ VÀ NHÀ MÁY CHÍNH

**Địa chỉ:** Khu Công Nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

**Điện thoại:** 02923 843 333

**Fax:** 02923 843 222

**CÔNG TY CON:** Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

**Địa chỉ:** Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

**Điện thoại:** 02993 62 63 67

**Fax:** 02993 829 686

Sản phẩm Bia Sài Gòn được phổ biến hầu hết tại các tỉnh thành trên cả nước, riêng Công ty tập trung chủ yếu ở các tỉnh khu vực Nam Bộ và Đông Nam Bộ.





## CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan, CTCP Bía Sài Gòn – Miền Tây tổ chức mô hình quản trị bao gồm:

1 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ)

2 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

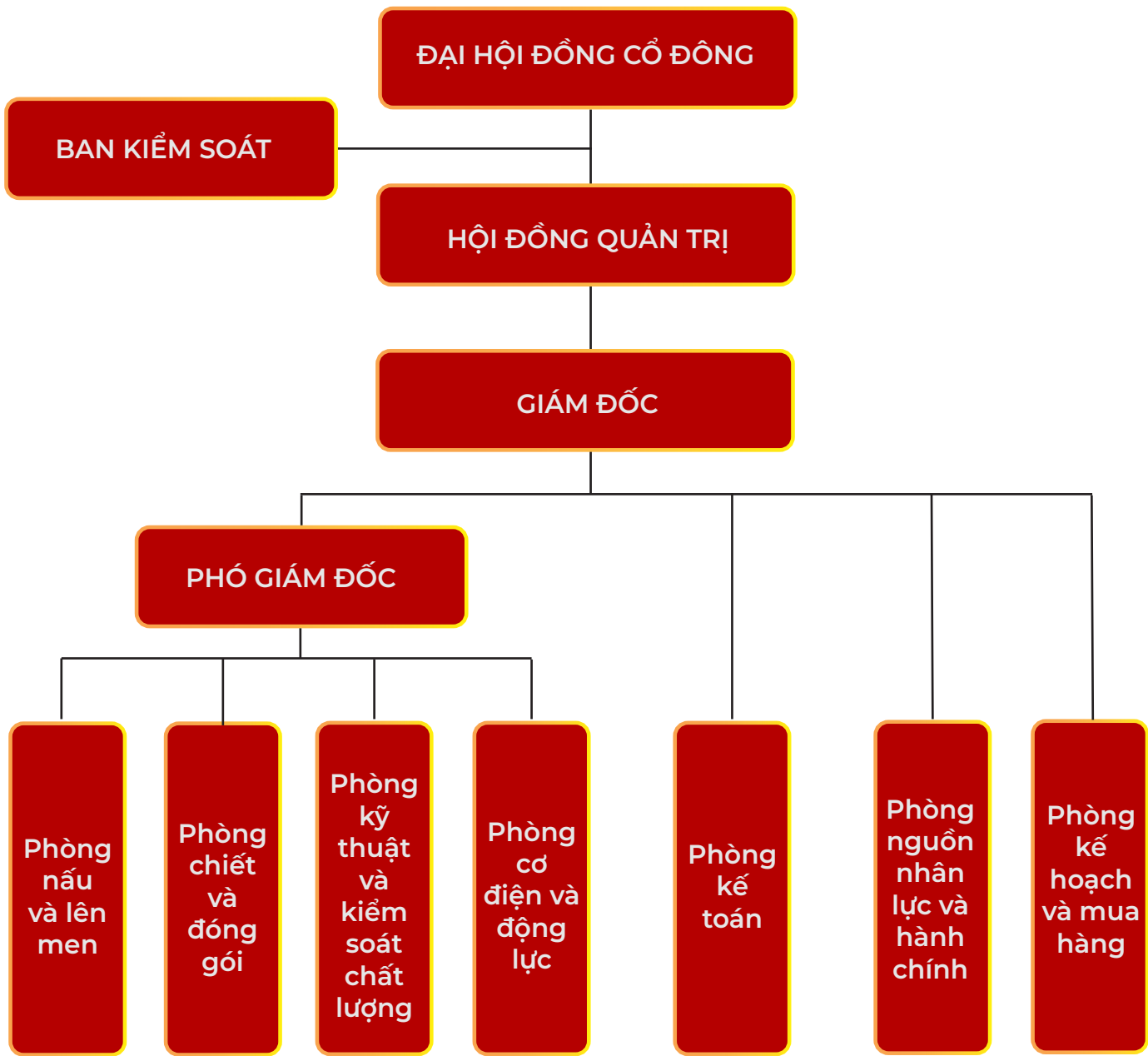
3 BAN KIỂM SOÁT (BKS)

4 BAN GIÁM ĐỐC (BGĐ)

### CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	VĐL thực góp (đồng)	Tỷ lệ góp vốn
Công ty con					
1	Công ty TNHH MTV Bía Sài Gòn – Sóc Trăng	Lô S, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng.	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát.	200.000.000.000	100% vốn điều lệ
Công ty liên kết					
1	CTCP Bía Sài Gòn – Bạc Liêu	Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	120.120.000.000	20% vốn điều lệ

### CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ







## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

### Tăng cường quản lý công tác sản xuất - giao hàng

- » Không ngừng cải tiến công nghệ, đồng bộ hệ thống dây chuyền sản xuất, thiết bị, đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm và cam kết đưa ra thị trường các sản phẩm Bia Sài Gòn với chất lượng tốt nhất.
- » Kiểm soát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật các vật tư nguyên vật liệu, năng lượng trong quá trình sản xuất; đồng thời áp dụng các giải pháp kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tiết kiệm vật tư, năng lượng.
- » Duy trì thực hiện hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2015; ISO 22000:2018, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018, hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC 17025:2017.
- » Phối hợp cùng đơn vị thương mại, vận tải giao hàng để đạt kế hoạch S&OP, giảm thời gian lưu kho bia; đồng thời phối hợp trong các hoạt động quảng bá thương hiệu sản phẩm theo chủ trương của SABECO nhằm tăng mức tiêu thụ sản phẩm tại các khu vực mà Công ty giao hàng, nâng tầm thương hiệu Bia Sài Gòn.

### Tổ chức quản lý và phát triển nguồn nhân lực

- » Tinh gọn bộ máy quản lý, áp dụng sổ tay phân quyền.
- » Củng cố sự gắn kết và nâng cao năng suất lao động bằng cách duy trì chính sách quản lý, đánh giá hiệu quả công việc, phân phối lương thưởng và phúc lợi cho người lao động công bằng – minh bạch theo hệ số hoàn thành công việc (KPIs).
- » Chuyển đổi phương thức làm việc và quản lý theo hướng chuẩn hóa, áp dụng công nghệ thông tin vào tất cả các mặt hoạt động.
- » Nâng cao năng lực của nhân viên thông qua các chương trình đào tạo hàng năm và đào tạo đội ngũ nhân sự tiềm năng.

### Tối ưu chi phí tài chính, gia tăng hiệu quả kinh doanh

- » Duy trì hoạt động kiểm soát ngân sách hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý và luân chuyển dòng tiền hợp lý, tiết kiệm chi phí tài chính.
- » Cẩn trọng sử dụng đòn bẩy tài chính, đảm bảo tình hình tài chính Công ty lành mạnh, tạo nền tảng cho sự phát triển trong sản xuất kinh doanh và đầu tư



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM, MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Công ty cam kết cung cấp đầy đủ các nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện và duy trì chính sách:

- Sản xuất và cung cấp các sản phẩm Bia Sài Gòn đạt chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn SABECO quy định.

- Cam kết thực hiện nhất quán với Chính sách Môi trường, Chính sách phát triển bền vững, Chính sách quản lý nguồn nước do SABECO ban hành thông qua các hoạt động:

+ Chấp hành luật pháp hiện hành của Nhà nước, các chế định của các tổ chức chuyên ngành có liên quan.

+ Thực hiện tốt việc kinh doanh của Công ty cũng như quản trị rủi ro trên tất cả các khía cạnh có ảnh hưởng đến vận hành doanh nghiệp.

+ Phát huy ý nghĩa của việc bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường như văn hóa doanh nghiệp của Công ty.

+ Cố gắng giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, đến nguồn tài nguyên nước trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày cũng như trong chiến lược kinh doanh của Công ty bằng cách thực hành sử dụng tài nguyên nước, nguyên vật liệu sản xuất, năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: đặt mục tiêu cụ thể về giảm lượng nước tiêu thụ, giảm mức tiêu hao năng lượng, giảm khí thải gây ô nhiễm môi trường, giảm lượng nước thải và rác thải..

- Định kỳ xem xét và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý, cải tiến công nghệ, thiết bị, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường nhằm nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống để gia tăng sự thỏa mãn các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

1. Gia tăng hiệu quả hoạt động của các nhà máy trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết bị hiện đại.
2. Chung tay cùng SABECO phát triển thương hiệu Bia Sài Gòn, giữ vững và phát triển thị phần Bia Sài Gòn trong khu vực.
3. Mang lợi ích thiết thực cho cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và xã hội.
4. Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng suất và chất lượng, chú trọng đến sức khỏe và đời sống người lao động, tạo mọi điều kiện để nhân tài gắn bó, sáng tạo và cống hiến.
5. Thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường.
6. Phát triển bền vững: sản xuất gắn với bảo vệ môi trường, hướng đến phát thải bằng 0 theo lộ trình của tập đoàn trong tương lai.

### HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Không chỉ nỗ lực nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây còn luôn đi đầu trong công tác an sinh xã hội. Sự phát triển của Công ty không chỉ đóng góp tích cực về mặt kinh tế cho địa phương mà còn song hành cùng những hoạt động xã hội ý nghĩa như: xây nhà tình thương, các công trình phúc lợi xã hội, quà tết cho người nghèo, trao học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, tài trợ các hoạt động văn hóa thể thao của địa phương...; qua đó góp phần làm đẹp hơn, ý nghĩa hơn thông điệp “Bia Sài Gòn - Chung tay vì cộng đồng” của SABECO.





## RỦI RO KINH TẾ

Năm 2024, tăng trưởng toàn cầu tiếp tục phục hồi trong bối cảnh lạm phát hạ nhiệt so với năm trước, nhưng vẫn chịu tác động từ bất ổn chính trị, xã hội, chuỗi cung ứng và tiêu dùng. Chiến tranh tại Trung Đông và Đông Âu chưa có hồi kết, thậm chí còn leo thang, làm gia tăng nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu và đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào lên cao, đồng thời kéo theo rủi ro lạm phát tăng trở lại. Ngoài ra, tâm lý thận trọng của người tiêu dùng cũng đã khiến tốc độ tăng trưởng ngành thực

phẩm và đồ uống chậm lại. Những yếu tố này đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để đối mặt với bối cảnh kinh tế vẫn còn đầy thách thức và khó khăn, Công ty đã tập trung vào công tác quản lý rủi ro và đề xuất các kế hoạch linh hoạt để thích nghi với tình hình kinh tế hiện tại, ưu tiên kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, tối ưu hóa kế hoạch sản xuất mà vẫn đảm bảo đáp ứng yêu cầu thị trường.

## RỦI RO PHÁP LUẬT

Những chính sách được Nhà nước ban hành nhằm ngăn ngừa ảnh hưởng của việc tiêu thụ các sản phẩm có cồn ảnh hưởng đến sức khỏe con người tạo gánh nặng lên xã hội những năm gần đây vẫn tiếp tục tác động tiêu cực trong việc tiêu thụ bia của người tiêu dùng. Sự ảnh hưởng nhất định từ Nghị định số 100/2019/NĐ-CP và gần đây nhất là Nghị định 168/2024/NĐ-CP của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt vẫn là một yếu tố cản trở tăng trưởng doanh thu của các doanh nghiệp ngành bia.

Mới đây, Bộ tài chính đã trình dự thảo sửa Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt gửi đến Chính phủ. Trong dự thảo, Bộ đề xuất đánh thuế với tất cả đồ uống có cồn, thực phẩm lên men từ trái cây, ngũ cốc,

đồ uống pha chế từ cồn thực phẩm. Dự thảo này dự kiến được thông qua tại kỳ họp tháng 5/2025 và bắt đầu áp dụng vào tháng 01/2026. Theo đó, 2 phương án đã được Bộ đưa ra về lộ trình tăng thuế đối với mặt hàng bia, mức thuế suất sẽ tăng từ mức 70% lên 90% hoặc 80% lên 100% trong giai đoạn 2026-2030.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ pháp luật trong kinh doanh, Công ty luôn duy trì và cập nhật thường xuyên các thay đổi trong quy định, luật lệ nhằm đảm bảo sự ổn định. Bởi vì, mọi sự thay đổi liên quan đến pháp luật về ngành hàng có liên quan đều có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

### Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Trong cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất. Điều này cũng gây ra những thách thức cho Công ty trong việc kiểm soát chi phí để ổn định lợi nhuận bởi các nguyên liệu chính như malt và hoa bia đều phải nhập khẩu từ các quốc gia tại Châu Âu, Úc và Mỹ. Những áp lực từ lạm phát cùng với các cuộc xung đột giữa Trung Đông và Đông Âu gây ra rủi ro đứt gãy trong chuỗi cung ứng và tăng giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí vận tải. Gần đây, giá nhôm trên thị trường quốc tế có xu hướng tăng do nguồn cung bị thắt chặt và nhu cầu cao từ các dự án chuyển đổi năng lượng cùng với sản xuất xe điện tại Trung Quốc. Tất cả những yếu tố trên không chỉ ảnh hưởng đến chi phí đầu vào mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty một cách đáng kể.

## RỦI RO KHÁC

Ngoài ra, một số rủi ro tiềm ẩn như dịch bệnh, thảm họa, sự cố cháy nổ và ô nhiễm môi trường có thể gây thiệt hại đến con người, tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh. Để ứng phó, Công ty luôn thực hiện các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát chặt chẽ, đồng thời giảm thiểu rủi ro bằng cách mua bảo hiểm cho nhân viên, tài sản, bảo hiểm ô nhiễm môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty luôn đề cao cảnh giác và không ngừng nâng cao nhận thức cũng như kỹ năng xử lý tình huống để giảm thiểu rủi ro. Với mục tiêu đảm bảo hoạt động kinh doanh được triển khai liên tục và đầy đủ, không bị ảnh hưởng bởi những sự cố không mong muốn này, Công ty đã triển khai mua thêm bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh.

### Rủi ro cạnh tranh

Kế hoạch phát triển ngành công nghiệp bia Việt Nam do Bộ Công Thương đề ra đặt mục tiêu đạt sản lượng 4,6 tỷ lít vào năm 2025 và tăng lên 5,5 tỷ lít vào năm 2035, phản ánh tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ của sản xuất và tiêu thụ bia trong nước. Trước năm 2019, Việt Nam từng đứng đầu Đông Nam Á về tiêu thụ bia và xếp thứ 9 toàn cầu, minh chứng cho sức hấp dẫn của thị trường bia Việt Nam.

Tại thị trường nội địa, thương hiệu Bia Sài Gòn dù đã có một chỗ đứng vững chắc kể cả về chất lượng lẫn tuổi đời hoạt động, nhưng vẫn chịu áp lực cạnh tranh trước sự xuất hiện của các thương hiệu bia ngoại nhập cũng như các đối thủ khác trong nước bởi nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người tiêu dùng. Vì thế, Công ty luôn nỗ lực cùng SABECO duy trì và củng cố vị thế của mình bằng việc phát triển thương hiệu với sản phẩm có thiết kế hấp dẫn, chất lượng đáp ứng đúng nhu cầu của khách hàng, quyết tâm đưa Bia Sài Gòn trở thành lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng Việt.





## 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



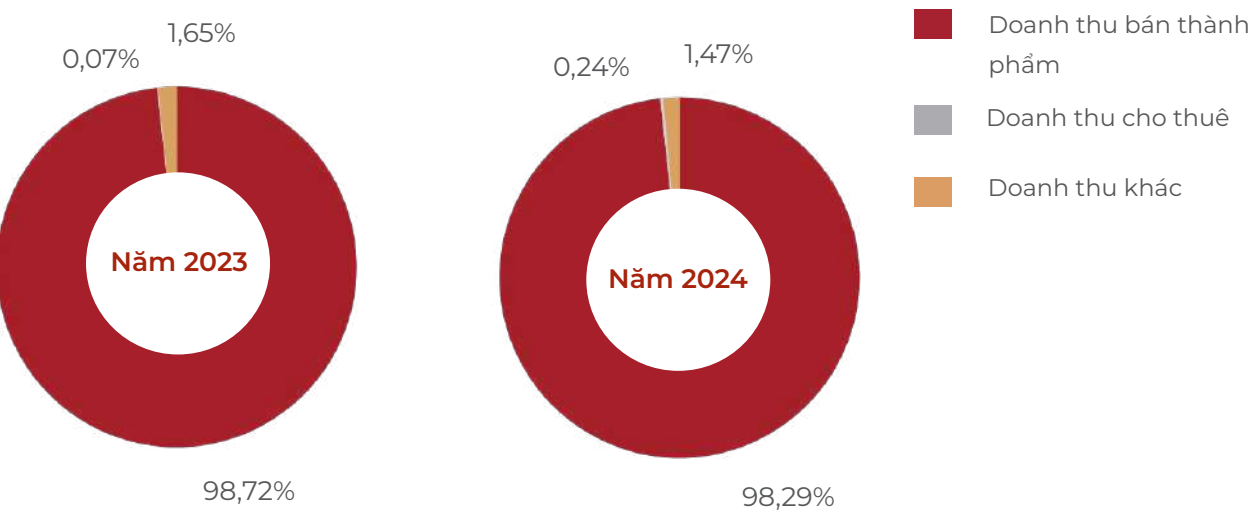
## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### KẾT QUẢ KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ĐVT: Triệu đồng

Doanh thu	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%Tăng/Giảm
Doanh thu bán thành phẩm	838.077	98,27%	944.839	98,29%	106.762	12,74%
Doanh thu cho thuê	624	0,07%	2.300	0,24%	1.676	268,59%
Doanh thu khác	14.097	1,65%	14.144	1,47%	47	0,33%
<b>Tổng cộng</b>	<b>852.798</b>	<b>100,00%</b>	<b>961.283</b>	<b>100,00%</b>	<b>108.485</b>	<b>12,72%</b>



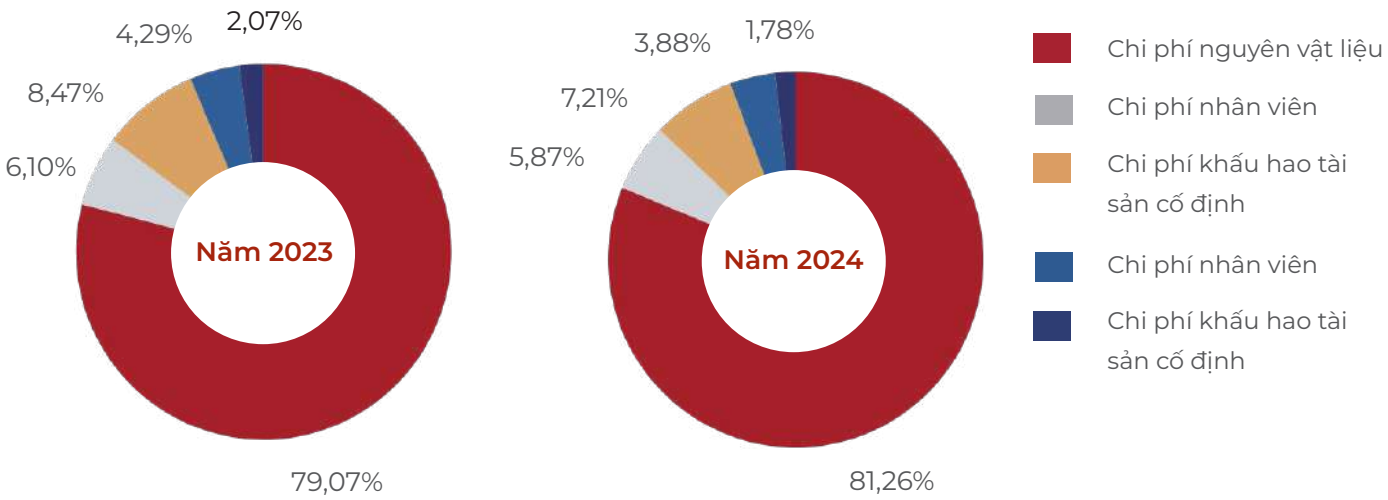
Trong xu thế tăng trưởng ổn định của nền kinh tế Việt Nam, ngành thực phẩm và đồ uống nói chung và ngành bia nói riêng cũng có những bước phục hồi đáng kể, tuy nhiên sự phục hồi này vẫn còn yếu. Xu hướng thận trọng trong chi tiêu, sự chú trọng trong việc tiêu thụ sản phẩm đối với sức khỏe và hiệu lực của Nghị định 100 với điều khoản phạt vi phạm nồng độ cồn đã kìm hãm tăng trưởng của hầu hết doanh nghiệp trong ngành. Kết thúc năm 2024, với sự hỗ trợ lớn từ Công ty mẹ (SABECO), Công ty ghi nhận doanh thu tăng trưởng 12,72% so với năm 2023. Trong đó, doanh thu bán thành phẩm vẫn đóng vai trò chủ lực trong cơ cấu doanh thu của Công ty, chiếm đến 98,29%, đạt 944.839 triệu đồng, tăng 12,74% so với năm ngoái. Sự tăng trưởng này đến từ sản lượng tiêu thụ tăng cùng với việc SABECO tăng giá mua sản phẩm.

Đáng chú ý, doanh thu cho thuê của Công ty trong năm tăng mạnh, tăng đến 268,59% so với năm trước, đạt 2.300 triệu đồng, chiếm 0,24% trong cơ cấu doanh thu tổng thể của Công ty. Dù chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ, nhưng sự tăng trưởng mạnh mẽ này là kết quả của những nỗ lực của Công ty trong việc cùng SABECO khai thác tối đa các nguồn lực của hệ thống trong việc vận hành kho bãi, trước bối cảnh thị trường tiêu dùng nhiều bất định. Doanh thu khác tăng nhẹ 0,33% so với năm ngoái, đạt 14.144 triệu đồng, chiếm 1,47% trong tổng doanh thu của Công ty. Tổng thể, cơ cấu doanh thu của Công ty đều có sự tăng trưởng đồng đều, điều này mang lại tín hiệu tích cực, từ đó tạo đà tăng trưởng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tới.

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Chi phí	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%Tăng/ Giảm
Chi phí nguyên liệu vật liệu	618.169	79,07%	723.818	81,26%	105.649	17,09%
Chi phí nhân viên	47.656	6,10%	52.308	5,87%	4.652	9,76%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.180	8,47%	64.234	7,21%	-1.946	-2,94%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.549	4,29%	34.581	3,88%	1.032	3,08%
Chi phí khác	16.218	2,07%	15.820	1,78%	-398	-2,45%
<b>Tổng cộng</b>	<b>781.772</b>	<b>100,00%</b>	<b>890.761</b>	<b>100,00%</b>	<b>108.989</b>	<b>13,94%</b>



Trong năm vừa qua, tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty là 890.761 triệu đồng, tăng 13,94% so với năm trước. Trong cơ cấu chi phí này, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao nhất và có mức tăng mạnh so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do sản lượng của năm 2024 tăng và giá nguyên vật liệu, bao bì tăng (đặc biệt là giá malt, gạo, bao bì). Bên cạnh đó, chi phí khấu hao tài sản cố định chiếm tỷ trọng cao thứ hai trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh, với tỷ lệ là 7,21%, giảm nhẹ 2,94% so với năm trước. Sự giảm này phần lớn là do một số tài sản cố định đã được khấu hao hết nhưng vẫn tiếp tục được sử dụng trong sản xuất.

Chi phí nhân công chiếm tỷ trọng 5,87% trong cơ cấu chi phí và tăng 9,76% so với năm trước. Nguyên nhân tăng chi phí này là do Công ty đã áp dụng cấu trúc lương mới từ tháng 9/2023 với mức lương cạnh tranh, và phúc lợi cho người lao động

luôn được đảm bảo. Điều này không chỉ giúp Công ty duy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất mà còn tạo ra lợi ích dài hạn về nguồn nhân lực cho doanh nghiệp.

Nhìn chung, tỷ trọng các yếu tố cấu thành chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024 vẫn duy trì ổn định. Tuy nhiên, với đặc thù là Công ty kinh doanh trong ngành sản xuất bia, việc sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính chủ yếu từ nhập khẩu đã tạo ra một thách thức đáng kể về chi phí. Vì thế, Công ty luôn tích cực thực hiện các biện pháp để tối ưu hóa chi phí như tiết giảm chi phí nguyên vật liệu bằng cách đa dạng hóa nguồn cung với giá cạnh tranh nhất, tăng hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu và áp dụng giải pháp hợp lý hóa sản xuất, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.





## ➤ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024	TH 2024	TH 2024/ KH 2024	TH 2024/ TH 2023
Tổng doanh thu	877.780	990.148	982.702	99%	112%
Lợi nhuận trước thuế	94.073	72.078	90.595	126%	96%
Lợi nhuận sau thuế	83.431	65.276	82.536	126%	99%

Năm 2024, thị trường ngành bia có hồi phục nhưng không đáng kể vì vẫn chịu ảnh hưởng mạnh bởi các chính sách kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước và thói quen tiêu dùng thay đổi khi người dân cắt giảm chi tiêu, bên cạnh đó, Công ty cũng đối mặt với việc giá nguyên liệu đầu vào tăng cao (malt, gạo, lon nhôm...). Với sự hỗ trợ của Công ty mẹ - SABECO và nỗ lực duy trì và nâng cao lợi nhuận, Công ty đã đồng thời triển khai các giải pháp như kiểm soát tốt định mức tiêu hao nguyên vật liệu, kiểm soát giá vật tư đầu vào, tiết kiệm các chi phí chưa thật sự cần thiết, luân chuyển dòng tiền hợp lý nhất... đã giúp đạt đa số các chỉ tiêu kế hoạch. Cụ thể: tổng doanh thu đạt 99% kế hoạch và cao hơn 12% so với 2023; các chỉ tiêu lợi nhuận cao hơn 26% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt gần tương đương thực hiện 2023.





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)	Ghi chú
1	Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc	0	0%	
2	Ông Lê Thành Phúc	Phó Giám đốc	0	0%	Bổ nhiệm từ 01/5/2024
3	Bà Trương Thị Mỹ Hồng	Kế toán trưởng	5.220	0,04%	

### NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông. Võ Văn Vân	Phó Giám đốc	-	01/3/2024
2	Ông. Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc	-	01/3/2024
3	Ông. Lê Thành Phúc	Phó Giám đốc	01/5/2024	

#### Lý lịch Ban điều hành



Năm sinh: 1967  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thực phẩm, Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Giám đốc  
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có  
Quá trình công tác:  
Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây  
Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu  
Trợ lý và tư vấn Ban Giám đốc, Công ty Rượu – Bia – NGK Hậu Giang  
Cán bộ giảng dạy, Trường Đại học Cần Thơ  
Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần phát hành

**Lê Đăng Khoa** Giám đốc



**Lê Thành Phúc** Phó Giám đốc

Năm sinh: 1978  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Công nghệ thực phẩm và đồ uống

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Phó Giám đốc  
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có  
Quá trình công tác:  
Phó Giám đốc, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng  
Phó Giám đốc, Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ  
Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần phát hành



**Trương Thị Mỹ Hồng** Kế toán trưởng

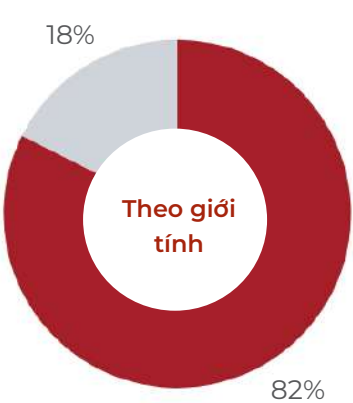
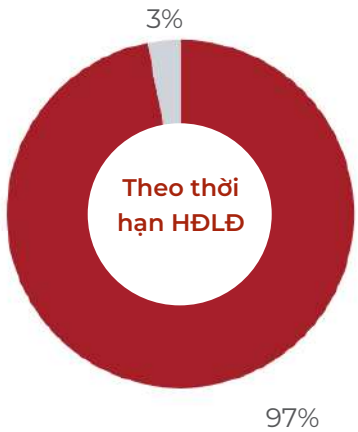
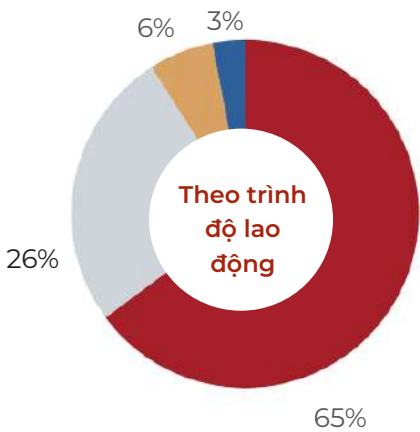
Năm sinh: 1972  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Kế toán trưởng  
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng  
Quá trình công tác:  
Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ  
Trưởng phòng Tài chính – Kiểm toán nội bộ, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây  
Số lượng cổ phần sở hữu: 5.220 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% tổng số cổ phần phát hành



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ  
 SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tiêu chí	Năm 2024			
		Số lượng (người)			Tỷ trọng (%)
		Miền Tây	Sóc Trăng	Tổng cộng	
A	Theo trình độ lao động	105	94	199	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	71	58	129	65%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	23	29	52	26%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	8	4	12	6%
4	Lao động phổ thông	3	3	6	3%
B	Theo thời hạn HĐLĐ	105	94	199	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	-	-	-	0%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	5	1	6	3%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	100	93	193	97%
C	Theo giới tính	105	94	199	100%
1	Nam	90	74	164	82%
2	Nữ	15	20	35	18%



- Trình độ Đại học và trên Đại học
- Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

- Hợp đồng không xác định thời hạn
- Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm

- Nam
- Nữ



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Sắp xếp, điều chỉnh, kiện toàn các bộ phận chuyên môn nhằm tinh gọn bộ máy và phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh thông qua việc rà soát chức năng nhiệm vụ của các bộ phận, chuẩn hóa các bản mô tả công việc nhằm đánh giá đúng năng lực nhân viên.

Nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội, đồng thời tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên.

Thực hiện đúng nội dung của thỏa ước lao động tập thể, chấp hành đầy đủ và nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về lao động tiền lương, bảo hiểm sức khỏe.

Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao tay nghề chuyên môn như kỹ thuật công nghệ, thiết bị, công nghệ thông tin, bổ sung kiến thức về an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ định kỳ.

Ghi nhận và khen thưởng các đóng góp, sáng kiến, giải pháp hữu ích của người lao động.

Đảm bảo các chế độ phúc lợi như nghỉ mát, phong trào thể thao, giải trí.

Chính sách trả lương, thưởng, phúc lợi rõ ràng, đầy đủ.





## » TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### KẾ HOẠCH NĂM 2025

Tiếp tục duy trì và đảm bảo thu nhập cho người lao động, đặc biệt chú trọng cam kết liên quan đến các chính sách lương, thưởng, bảo hiểm, phúc lợi cho nhân viên của Công ty.

Duy trì chế độ lương, thưởng, phúc lợi theo chuẩn chung của SABECO.

Chú trọng công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề cho người lao động.

Tiếp tục duy trì môi trường làm việc năng động, sáng tạo, thân thiện và gắn kết, đủ sức giữ chân người tài.

## » TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

#### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TSCĐ

Thực hiện triển khai các hạng mục đầu tư theo kế hoạch tài chính mà Đại hội đồng cổ đông năm 2024 đã thông qua. Trước khi triển khai, Công ty đều chủ động xem xét và đánh giá lại một cách cẩn trọng. Các hạng mục đã thực hiện trong năm 2024 chủ yếu với mục tiêu tăng hiệu quả sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng. Tạm dừng, hoãn đối với các hạng mục được đánh giá chưa thật sự hiệu quả.

Chi phí thực hiện các hạng mục đầu tư đều thấp hơn kế hoạch được duyệt.

Thủ tục thực hiện: đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

#### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Trong năm không phát sinh khoản đầu tư mới, tập trung nguồn lực tài chính cho hoạt động sản xuất chính.





CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

**Công ty con: Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng**

- » Địa chỉ: Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.
- » Lĩnh vực sản xuất chính: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, NGK
- » Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng
- » Tỷ lệ góp vốn của Công ty: 100% vốn điều lệ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2024	%Tăng/Giảm
1	Tổng tài sản	375.352	367.860	-2%
2	Doanh thu thuần	649.604	764.894	18%
3	Giá vốn hàng bán	582.525	688.820	18%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	5.243	3.694	-30%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	7.678	8.543	11%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	64.644	71.225	10%
7	Lợi nhuận khác	(1.879)	(34)	-98%
8	Lợi nhuận trước thuế	62.765	71.192	13%
9	Lợi nhuận sau thuế	58.046	67.151	16%

Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024 và đạt lợi nhuận sau thuế vượt 16% so thực hiện 2023. Tình hình tài chính của Công ty con ổn định, không có nợ vay ngắn hạn, vay dài hạn.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

**Công ty liên kết: CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu**

- » Địa chỉ: Lô B5, Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.
- » Lĩnh vực sản xuất chính: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, NGK
- » Vốn điều lệ: 120.120.000.000 đồng
- » Tỷ lệ góp vốn của Công ty: 20% vốn điều lệ, tương ứng 2.402.400 cổ phiếu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2024	%Tăng/Giảm
1	Tổng tài sản	246.426	257.239	4%
2	Doanh thu thuần	147.710	140.320	-5%
3	Giá vốn hàng bán	127.864	126.768	-1%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	380	1.024	169%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	13.612	11.063	-19%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.613	2.775	-58%
7	Lợi nhuận khác	36	23	-36%
8	Lợi nhuận trước thuế	6.650	2.798	-58%
9	Lợi nhuận sau thuế	4.900	1.935	-61%

Lợi nhuận sau thuế của CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu giảm 61% so với thực hiện 2023 chủ yếu do doanh thu sụt giảm đồng thời giá nguyên vật liệu chính tăng cao (malt, gạo).

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn vào CTCP Bia – NGK Sài Gòn – Tây Đô (STD) với 1.891.807 cổ phiếu tương ứng với 9,46% quyền sở hữu và quyền biểu quyết.

- Về kết quả kinh doanh tại STD: đạt các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà ĐHĐCĐ đề ra.
- Đã nhận đủ cổ tức năm 2023 từ STD.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%Tăng/Giảm
1	Tổng giá trị tài sản	915.720	923.522	1%
2	Doanh thu thuần	852.798	961.283	13%
3	Giá vốn hàng bán	762.096	868.842	14%
4	Lợi nhuận gộp	90.702	92.441	2%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	95.372	90.341	-5%
6	Lợi nhuận khác	(1.299)	254	120%
7	Lợi nhuận trước thuế	94.073	90.595	-4%
8	Lợi nhuận sau thuế	83.431	82.536	-1%
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	5.417	5.261	-3%

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,06	3,73
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,53	3,15
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	16,62	16,86
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	19,93	20,28
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,85	10,69
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,97	0,97
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	9,78	8,59%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	11,27	10,78%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	9,46	8,98%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	11,18	9,40%



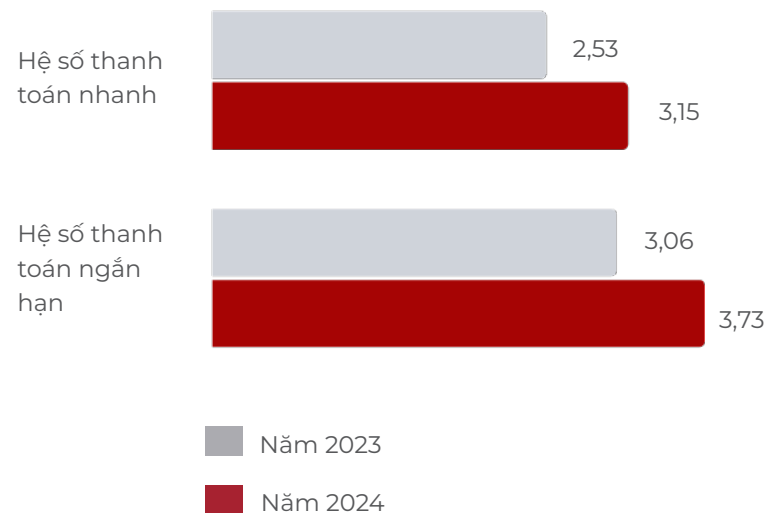


## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU



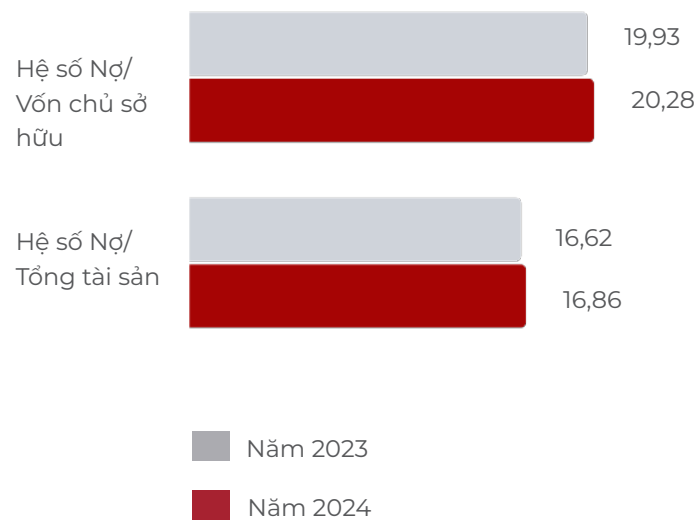
#### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Tại thời điểm cuối năm 2024, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đạt 3,73 lần, tăng 0,67 lần so với năm trước. Sau khi loại trừ hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh đạt 3,15 lần, tăng 0,62 lần so với năm 2023. Sự tăng trưởng trong khả năng thanh toán chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn tăng đáng kể trong năm, trong đó, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 77.946 triệu đồng, tương đương mức tăng là 31% và các khoản phải thu ngắn hạn tăng 18.292 triệu đồng, tương đương mức tăng là 33,3%. Các hệ số về khả năng thanh toán luôn được Công ty duy trì cao và cải thiện qua từng năm, cho thấy sự hiệu quả trong quản lý tài chính của Công ty.



#### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

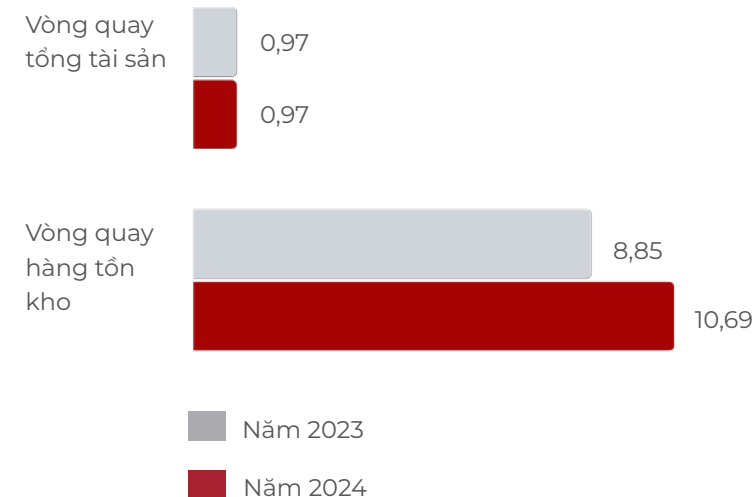


Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty tại ngày 31/12/2024 đều tăng so với năm trước. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản đạt 16,86%, cao hơn 0,24% so với thời điểm ngày 31/12/2023, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đạt 20,28%, cao hơn 0,35% so với thời điểm ngày 31/12/2023. Nguyên nhân là do các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp Nhà nước tăng trong kỳ đã chiếm phần lớn trong sự biến động tăng của nợ phải trả, làm cho nợ phải trả của Công ty tăng 2,3%, tương đương tăng 3.525 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Mức tăng này có phần nhỉnh hơn so với mức tăng của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu, trong đó, tổng tài sản tăng 0,9%, tương đương tăng 7.802 triệu đồng và vốn chủ sở hữu tăng 0,6%, tương đương tăng 4.278 triệu đồng.

Mặc dù các chỉ tiêu về cơ cấu vốn năm 2024 của Công ty đều tăng so với năm 2023 nhưng các khoản nợ đều trong tầm kiểm soát, cơ cấu vốn an toàn, tình hình tài chính công ty lành mạnh.



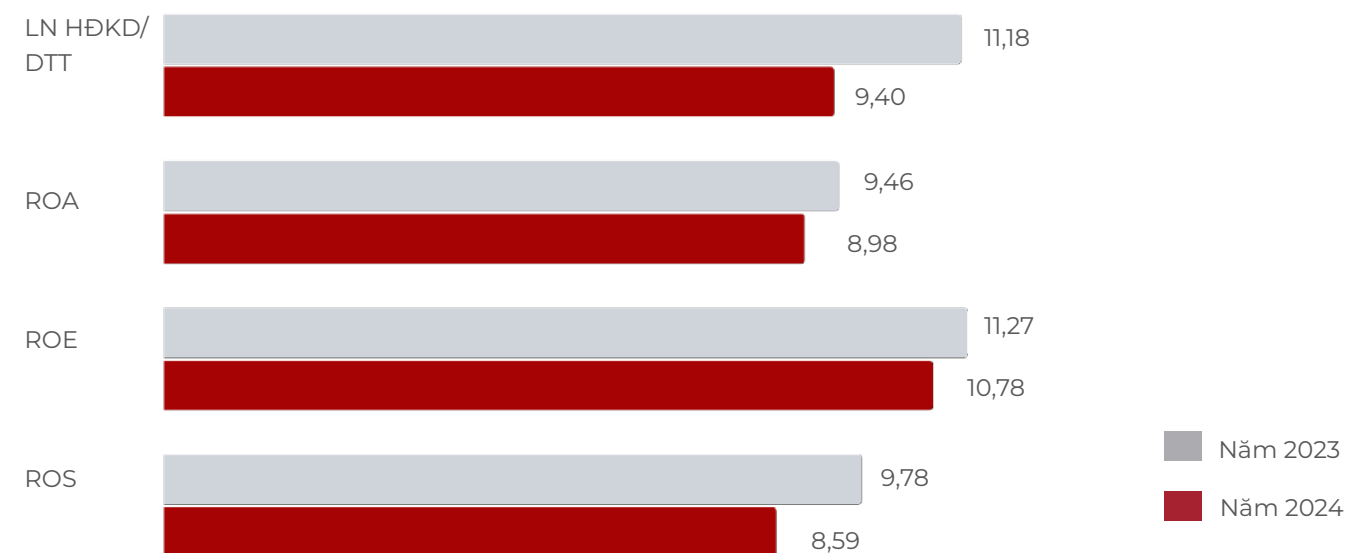
#### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty được duy trì ổn định và có sự cải thiện. Trong khi vòng quay tổng tài sản không có sự thay đổi, vẫn ở mức 0,97 vòng, vòng quay hàng tồn kho tăng 1,84 vòng so với năm ngoái, đạt tốc độ là 10,69 vòng. Kết quả này đã phản ánh sự nỗ lực và linh hoạt trong công tác quản lý của Công ty trước những biến động của thị trường, nhằm đảm bảo mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.



#### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Kết thúc năm 2024, Công ty ghi nhận tổng doanh thu trong kỳ đạt 982.702 triệu đồng, tăng 12% so với năm ngoái, tuy nhiên, tình trạng giá cả nguyên vật liệu đầu vào leo thang đã làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm nhẹ 1% so với năm ngoái. Trong khi cả tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đều ghi nhận mức tăng trưởng lần lượt là 0,9% và 0,6% so với năm ngoái, sự sụt giảm trong lợi nhuận sau thuế đã tác động đến các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty.

So với năm 2023, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) giảm 1,19%, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) giảm 0,49%, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA) giảm 0,48% và Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần giảm 1,78%. Trong thời gian tới, triển vọng từ cơ cấu dân số vàng của Việt Nam và tiềm năng từ phát triển du lịch, sẽ là những yếu tố thuận lợi cho ngành thực phẩm - đồ uống nói chung và ngành bia nói riêng có cơ hội gia tăng sản lượng tiêu thụ, từ đó phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và nâng cao lợi nhuận.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU

14.500.000 Tổng số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

Mã cổ phiếu: WSB

Năm tài chính kết thúc ngày: 31/12

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 14.500.000 cổ phiếu  
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 14.500.000 cổ phiếu  
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu  
Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông  
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần  
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%



Cơ cấu cổ đông (tại ngày 28/02/2025)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cơ cấu tỷ lệ sở hữu	14.500.000	100,00%
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết)	12.246.550	84,46%
2	Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2.253.450	15.54%
II	Cổ đông Nhà nước	-	-
III	Cổ đông trong nước	13.960.779	96,28%
1	Cá nhân	1.714.229	11,82%
2	Tổ chức	12.246.550	84,46%
IV	Cổ đông nước ngoài	539.221	3,72%
1	Cá nhân	68.521	0,47%
2	Tổ chức	470.700	3,25%
Tổng cộng (II+III+IV)		14.500.000	100,00%

Danh sách cổ đông lớn (tại ngày 28/02/2025)

STT	Cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn	12.246.550	84,46%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	Không phát sinh
Giao dịch cổ phiếu quỹ	Không phát sinh
Các chứng khoán khác	Không có

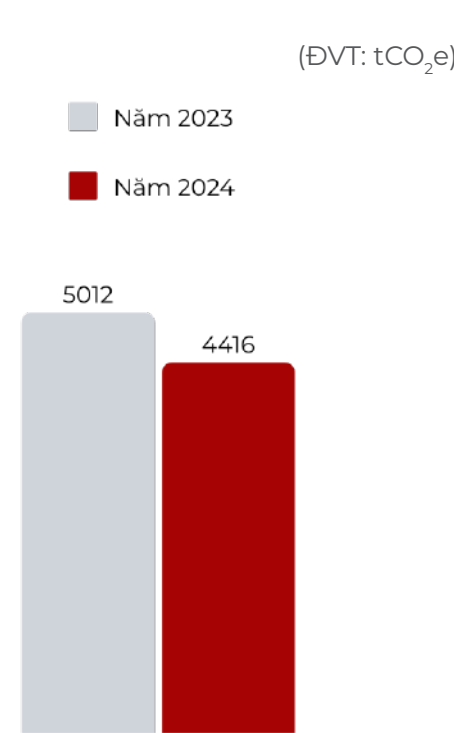




# BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Bảo vệ môi trường

SABECO và Công ty luôn là những đơn vị cam kết đầu tư phát triển kinh doanh song hành cùng phát triển bền vững, luôn nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang là một trong những thách thức to lớn của toàn thế giới. Hiện nay Công ty đã và đang chủ động thực hiện nhiều giải pháp xanh cũng như khuyến khích các bên liên quan cùng nhau giảm thiểu các tác động tiêu cực ngắn hạn và dài hạn đến môi trường thông qua những hướng dẫn sau:



**Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp**

- » Đảm bảo việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
- » Đặt các mục tiêu cụ thể và chi tiết đối với các biện pháp bảo vệ môi trường như giảm lượng nước tiêu thụ, giảm mức tiêu hao năng lượng, giảm lượng khí thải gây ô nhiễm môi trường cũng như giảm lượng nước thải và rác thải.
- » Xây dựng và áp dụng chính sách bảo vệ môi trường và có hệ thống quản lý môi trường theo các tiêu chuẩn hiện hành.
- » Sử dụng bao bì sản phẩm bền vững: tái sử dụng vỏ chai, tái chế thủy tinh và lon nhôm, sử dụng bao bì sản phẩm thân thiện với môi trường, giảm thiểu việc sử dụng các nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên.
- » Áp dụng các văn bản nội bộ của SABECO hướng dẫn cách thức quản lý môi trường tốt, thực hiện các biện pháp giảm tác động biến đổi khí hậu và thực hành các thông lệ tốt cho cả 2 nhà máy của Công ty.
- » Khuyến khích sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách tiết kiệm và hiệu quả để giữ cân bằng bền vững các yếu tố về môi trường và xã hội.

Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- » Có thiết bị thu hồi và lưu trữ CO<sub>2</sub> để sử dụng và bán lại cho đơn vị khác có nhu cầu.
- » Các đơn vị cung cấp hơi bão hòa cho công ty đều sử dụng nguyên liệu BIOMAS cho lò hơi thay cho nhiên liệu hóa thạch.
- » Sử dụng các loại bao bì nhẹ hơn và có khả năng tái chế cao.
- » Sử dụng hệ thống điện mặt trời áp mái tại cả 2 nhà máy.
- » Áp dụng nhiều biện pháp cải tiến trong sản xuất từ đó giúp giảm lượng tiêu thụ nguyên vật liệu, bao bì, năng lượng.

## Quản lý nguyên vật liệu

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì và thực hiện thêm nhiều giải pháp cải tiến giúp tiết kiệm nguyên vật liệu hiệu quả. Cả 2 nhà máy đều đạt thứ hạng tốt trong hệ thống SABECO trong công tác quản lý tiêu hao nguyên vật liệu. Số liệu nguyên vật liệu tái chế được dùng trong sản xuất và đóng gói: Không có.

100% vỏ chai, kết dư hỏng đều được thu gom và cung cấp lại cho các đơn vị tái sản xuất bao bì; 100% lượng hèm bia được chuyển cho đơn vị có đủ chức năng xử lý làm thức ăn gia súc, men thải cũng được đơn vị thu gom và xử lý triệt để.

## Năng lượng và nước

Trong năm 2024, Công ty đã nỗ lực nghiên cứu và áp dụng nhiều sáng kiến tiết kiệm nhằm giảm định mức tiêu thụ năng lượng và nước so với năm 2023 (tính trên 1.000 lít bia).

### Điện

Việc đưa vào sử dụng hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại 2 nhà máy từ năm 2022 (công suất khoảng 1Mw/hệ thống) đã giúp giảm lượng điện mua ngoài.

Tổng lượng điện sử dụng năm 2024 giảm 2% so với 2023. Điện mua ngoài chiếm 73%, phần còn lại là điện mặt trời, tỷ lệ sử dụng điện mặt trời cũng tăng 1% so với 2023.

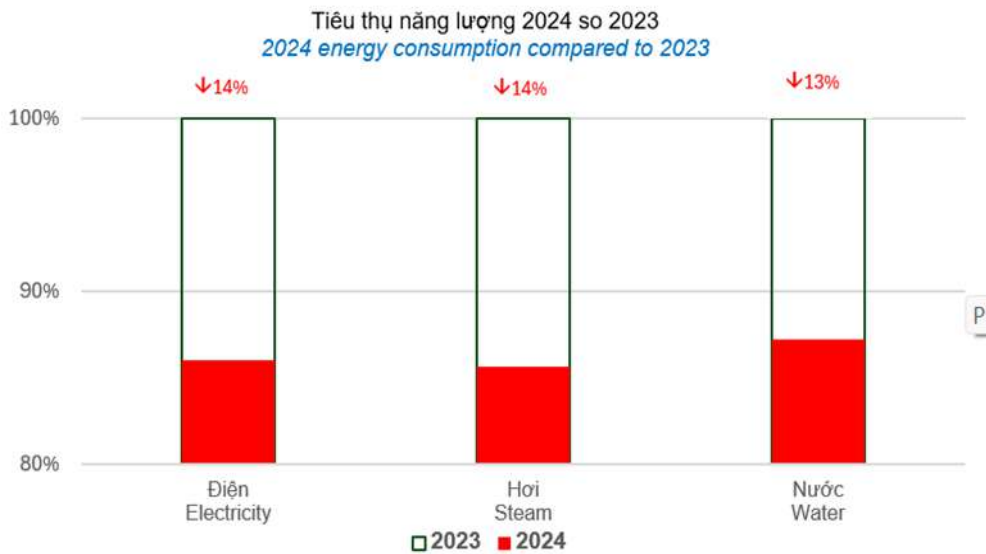


### Hơi

Mặc dù sản lượng sản xuất tăng nhưng tổng lượng hơi sử dụng trong năm 2024 đã giảm 5% so với năm 2023. Về định mức hơi, Công ty đã giảm 14% so với định mức thực hiện của năm 2023.

### Nước

Định mức sử dụng nước đã giảm 13% so với thực hiện 2023.





## ➤ BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hoạt động Công ty luôn đề cao pháp luật về bảo vệ môi trường, Công ty luôn chấp hành và thực hiện nghiêm túc việc xử lý chất thải đúng quy định, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2024, Công ty không bị xử phạt vi phạm trong lĩnh vực môi trường.

Cả 2 nhà máy đều được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định và có giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015.

Nước thải của cả 2 nhà máy đều đảm bảo được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn quy định trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp và được các đơn vị xử lý có đủ năng lực tiếp nhận. Công tác quan trắc môi trường định kỳ của các đơn vị đều tuân thủ đúng tần suất như trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được phê duyệt.

Các nhà máy đều có kho chứa bao bì phế liệu. Rác thải sinh hoạt được chứa đựng trong các thùng rác có nắp đậy và kho chứa chất thải trước khi đem đi xử lý. Chất thải nguy hại đều được lưu giữ đúng nơi quy định tại các kho chứa riêng biệt, được vận chuyển và xử lý bởi các đơn vị có chức năng thông qua các hợp đồng được ký kết.

### Về nguồn nhân lực

Trong suốt quá trình hoạt động của mình, Công ty luôn đặt yếu tố nhân viên làm trọng tâm bởi vì chúng tôi tin rằng con người đóng một vai trò quan trọng và là tài sản đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, cũng như luôn tôn trọng những giá trị đa dạng và sự cống hiến của toàn thể cán bộ công nhân viên đối với sự thành công của Công ty.

Đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe của người lao động luôn được đảm bảo: 100% nhân viên đều được kiểm tra sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp; trang bị bảo hộ lao động đầy đủ. Đồng thời được đào tạo, huấn luyện công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng mua thêm các gói bảo hiểm sức khỏe cao cấp cho người lao động.

Công ty tuân thủ các luật và quy định về an toàn lao động, áp dụng các tiêu chuẩn cao về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, đồng thời nỗ lực ngăn ngừa tai nạn, thương tích và bệnh tật liên quan đến công việc xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh. Trong nhiều năm qua, Công ty không xảy ra tai nạn lao động.



### Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp là dựa trên nền tảng của một cộng đồng ổn định và thịnh vượng. Chúng tôi hiểu rằng sự hiện diện của Công ty tạo nên những ảnh hưởng nhất định về kinh tế, môi trường xã hội đối với cộng đồng. Nhận thức được điều này, Công ty luôn hoàn thành trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương thông qua nhiều hoạt động thiết thực như:

- Sự thân thiện với môi trường: Nhà máy luôn đầu tư thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng, hiệu suất cao; duy trì cảnh quan xanh, sạch, đẹp.
- Hoạt động của Công ty tạo công ăn việc làm cho 200 lao động định biên và hàng trăm lao động phổ thông tại địa phương với thu nhập ổn định, góp phần vào công tác an sinh xã hội.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước và luôn thuộc top 10 các đơn vị đóng góp ngân sách cao nhất cho Thành phố Cần Thơ và Tỉnh Sóc Trăng trong nhiều năm qua.
- Duy trì các hoạt động hỗ trợ cộng đồng tại địa phương theo phương châm “Bia Sài Gòn chung tay cùng cộng đồng”. Trong năm qua, các hoạt động công tác xã hội mà Công ty đã thực hiện:
  - » Cùng SABECO thực hiện chương trình “Tết sẻ chia, năm rồng khởi sắc” tại Sóc Trăng và Kiên Giang với giá trị thực hiện trên 360 triệu đồng.
  - » Đóng góp và nguồn quỹ chung của SABECO để hỗ trợ các nhân viên trong hệ thống và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi cơn bão Yagi.
  - » Cùng SABECO mở tết ấm áp và sung túc qua chương trình “63 gắn kết – 1 tết sum vầy” vào dịp tết Ất Ty tại nhiều địa phương.
  - » Thường xuyên đóng góp cho các chương trình tại địa phương khác như: tết cho người nghèo, trung thu cho trẻ em, quỹ phòng chống lụt bão, quỹ học bổng cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn...





# 03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Phân tích về tổng quan về hoạt động của Công ty

**Năm 2024**, tình hình thế giới vẫn nhiều yếu tố rủi ro tác động đến sự ổn định và tăng trưởng kinh tế – xã hội tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, với thương mại hóa toàn cầu được cải thiện, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính được nới lỏng đã giảm bớt áp lực suy thoái kinh tế. Trong nước, tình hình kinh tế – xã hội tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét, tăng trưởng khởi sắc dần qua từng tháng, từng quý, lạm phát thấp hơn mức mục tiêu.

**Về thị trường bia:** các quy định khắt khe về nồng độ cồn khi tham gia giao thông vẫn là rào cản lớn kìm hãm ngành bia phục hồi từ

sau đại dịch Covid-19, người dân vẫn còn thắt chặt chi tiêu, do đó thị trường bia trong năm vừa qua có dấu hiệu tăng trưởng trở lại nhưng không cao. Chưa kể đến các yếu tố làm chi phí sản xuất kinh doanh như giá nguyên vật liệu (malt, gạo...), bao bì (lon nhôm, thùng...), chi phí vận chuyển tăng mạnh ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Được sự ủng hộ từ phía địa phương và sự hỗ trợ từ SABECO trong quá trình hoạt động, tập thể Công ty đã nỗ lực để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ giao, kết quả đạt được như sau

### Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH năm 2023	KH năm 2024	TH năm 2024	TH 2024/ KH 2024	TH 2024/ TH 2023
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	877.780	990.148	982.702	99%	112%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	94.073	72.078	90.595	126%	96%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	83.431	65.276	82.536	126%	99%



Với sản lượng được SABECO phân bổ khá sát kế hoạch nên doanh thu toàn Công ty đạt 99% kế hoạch mà ĐHĐCĐ giao. Bên cạnh đó, giá nguyên vật liệu, năng lượng tăng thấp hơn dự kiến và với nỗ lực kiểm soát tốt định mức, tiết giảm chi phí đã giúp lợi nhuận sau thuế cao hơn 26% kế hoạch và đạt gần tương đương thực hiện của năm 2023.

So với thực hiện năm 2023:

- Sản lượng giao hàng tốt hơn
- SABECO tăng giá mua bia từ các nhà máy để bù đắp phần nào ảnh hưởng của sự tăng giá nguyên vật liệu.
- Ban điều hành kiểm soát tốt định mức, chi phí kinh doanh.

### Những tiến bộ Công ty đã đạt được

1

#### VỀ SẢN XUẤT VÀ GIAO HÀNG

Thông qua việc ứng dụng các giải pháp cải tiến, nghiên cứu đồng bộ để hợp lý hóa sản xuất tại các công đoạn... nhằm kiểm soát tốt định mức nguyên vật liệu, năng lượng. Kết quả xếp hạng kiểm soát định mức NVL, năng lượng năm 2024 của cả 02 nhà máy đều nằm top đầu trong hệ thống SABECO. Công ty đã tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, năng lượng 5,7 tỷ đồng so với năm 2023.

Linh động phối hợp với các đơn vị thương mại trong công tác giao hàng, đảm bảo sản lượng theo kế hoạch S&OP và tối ưu hàng tồn kho. Chung tay cùng SABECO và SATRACO thực hiện cải tiến quy trình kho vận, tối ưu hơn về hiệu quả vận hành và tiết kiệm chi phí.

Quản lý chất lượng sản phẩm: tuân thủ quy trình công nghệ, chất lượng sản phẩm ổn định, đạt tiêu chuẩn SABECO và an toàn vệ sinh thực phẩm. Cả 2 nhà máy của Công ty đều có chất lượng sản phẩm thuộc top 10 trong hệ thống.

Duy trì tốt việc thực hiện hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2015; ISO 22000:2018, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018, hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC 17025:2017.

Công tác mua hàng phục vụ sản xuất: phối hợp cùng SABECO đàm phán mua vật tư với giá cả hợp lý. Các vật tư khác: Công ty chủ động thương thảo ký hợp đồng với giá cả phù hợp và ổn định nguồn cung

2

#### VỀ NHÂN SỰ

Tiền lương, chế độ chính sách cho người lao động thực hiện theo quy định của Công ty, định hướng chung của SABECO và đúng pháp luật hiện hành

3

#### VỀ KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Điều này được chứng minh qua ý kiến của đơn vị kiểm toán (Công ty TNHH KPMG Việt Nam) đã chấp nhận toàn phần BCTC cho kỳ kế toán kết thúc vào 31/12/2024.

Quản trị tốt dòng tiền, Công ty không phát sinh nợ vay ngắn hạn/dài hạn trong năm.

Chi cổ tức cho cổ đông:

- Hoàn thành chi quyết toán cổ tức đợt cuối năm 2023 với tỷ lệ 30% (tổng tỷ lệ chi năm 2023 là 40%) vào tháng 4/2024.

- Đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 với tỷ lệ 20% vào tháng 12/2024 (kế hoạch cổ tức là 40%)

Các khoản đầu tư tài chính: thu đủ các khoản cổ tức từ các khoản đầu tư hiện tại. Trong năm không phát sinh khoản đầu tư mới, tập trung nguồn lực tài chính cho hoạt động sản xuất chính.



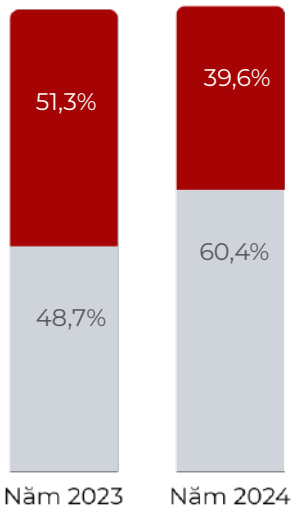
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

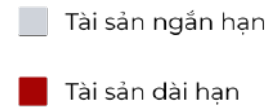
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/ Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%Tăng/ Giảm
Tài sản ngắn hạn	446.086	48,7%	558.162	60,4%	112.075	25,1%
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.397	6,7%	69.804	7,6%	8.407	13,7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	251.214	27,4%	329.160	35,6%	77.946	31,0%
Các khoản phải thu ngắn hạn	54.977	6,0%	73.269	7,9%	18.292	33,3%
Hàng tồn kho	77.500	8,5%	85.052	9,2%	7.552	9,7%
Tài sản ngắn hạn khác	998	0,1%	876	0,1%	(122)	-12,2%
Tài sản dài hạn	469.633	51,3%	365.360	39,6%	(104.273)	-22,2%
Tài sản cố định	341.558	37,3%	278.585	30,2%	(62.973)	-18,4%
Bất động sản đầu tư	2.273	0,2%	2.113	0,2%	(160)	-7,1%
Tài sản dở dang dài hạn	13.616	1,5%	13.657	1,5%	41	0,3%
Đầu tư tài chính dài hạn	90.722	9,9%	51.286	5,6%	(39.436)	-43,5%
Tài sản dài hạn khác	21.464	2,3%	19.720	2,1%	(1.744)	-8,1%
Tổng tài sản	915.720	100,0%	923.522	100,0%	7.802	0,9%

TÌNH HÌNH TÀI SẢN



Tại thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản của Công ty đạt 923.522 triệu đồng, tăng 0,9% so với thời điểm đầu năm. Đáng chú ý, cơ cấu của tổng tài sản của Công ty có sự dịch chuyển đáng kể trong năm. Tài sản ngắn hạn tăng và chiếm tỷ trọng là 60,4%, cao hơn so với tài sản dài hạn khi chỉ chiếm 39,6%.

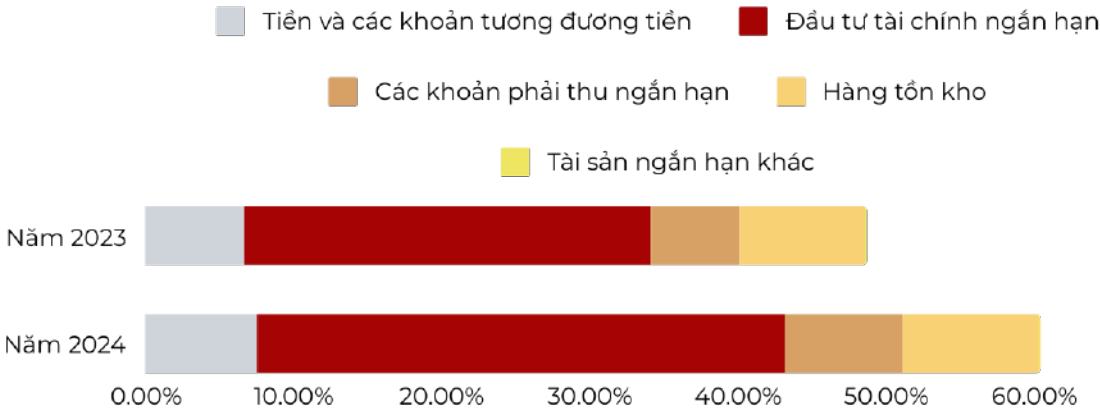


Tài sản ngắn hạn

Tài sản ngắn hạn tại thời điểm cuối năm đạt 558.162 triệu đồng, tăng 112.076 triệu đồng so với thời điểm đầu năm, tương đương mức tăng trưởng là 25,1%. Xét về cơ cấu, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tài sản ngắn hạn là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho, với tỷ lệ lần lượt là 35,6% và 9,2%, thể hiện sự tập trung của Công ty vào việc khai thác các cơ hội đầu tư cũng như sự chủ động trong việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với sản lượng hàng

hóa bán ra để cải thiện hiệu quả quản lý hàng tồn kho.

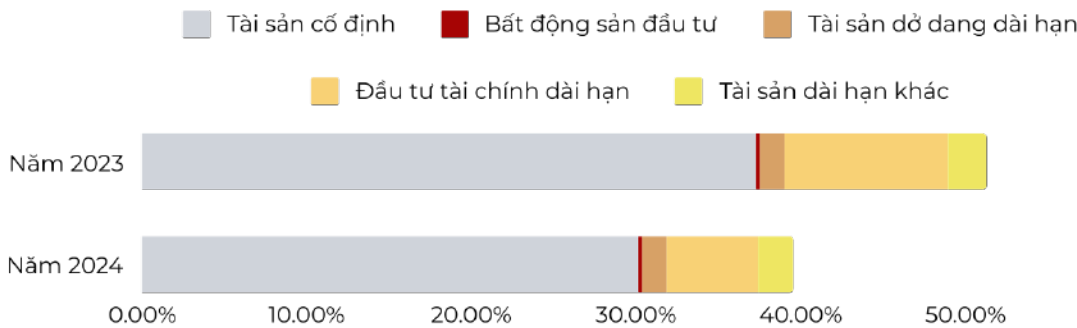
Bên cạnh sự tăng trưởng mạnh từ các khoản đầu tư tài chính cả về số tuyệt đối lẫn tương đối, các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty cũng tăng đáng kể với mức tăng là 33,3%, tương đương tăng 18.292 triệu đồng so với năm 2023. Các khoản phải thu này chủ yếu đến từ bán hàng cho SABECO, đây là nguồn thu chính của Công ty



Tài sản dài hạn

Trái với sự tăng trưởng của tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn của Công ty ghi nhận giảm 22,2% so với năm trước, tương đương mức giảm là 104.273 triệu đồng. Trong đó, chiếm tỷ trọng cao nhất và đáng kể vẫn là tài sản cố định với tỷ lệ là 30,2%, sau đó là đến đầu tư tài chính dài hạn với tỷ lệ là 5,6% và cuối cùng là các tài sản khác với tỷ lệ không quá 3%.

Yếu tố chủ yếu góp phần làm giảm giá trị tài sản dài hạn trong năm chính là tài sản cố định, nguyên nhân đến từ sự gia tăng của giá trị hao mòn lũy kế qua từng năm. Ngoài ra, sự sụt giảm đáng kể của các khoản đầu tư tài chính dài hạn cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến giá trị của tài sản dài hạn của Công ty trong năm 2024 vừa qua.





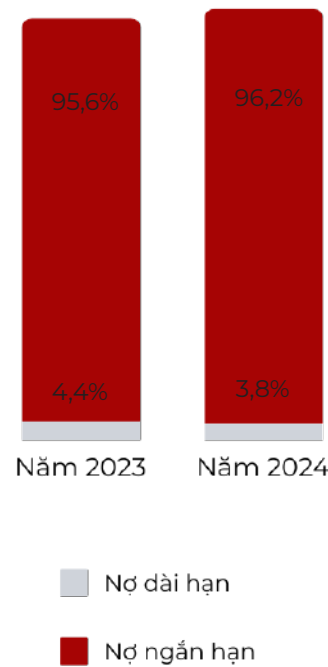
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%Tăng/Giảm
Nợ ngắn hạn	145.543	95,6%	149.810	96,2%	4.267	2,9%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.477	15,4%	22.589	14,5%	(889)	-3,8%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	0	0,0%	9	0,0%	9	-
Thuế phải nộp Nhà nước	92.279	60,6%	100.891	64,8%	8.612	9,3%
Phải trả người lao động	5.723	3,8%	3.357	2,2%	(2.366)	-41,3%
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.612	3,7%	3.590	2,3%	(2.021)	-36,0%
Phải trả ngắn hạn khác	9.543	6,3%	10.055	6,5%	512	5,4%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.909	5,9%	9.320	6,0%	411	4,6%
Nợ dài hạn	6.628	4,4%	5.886	3,8%	(742)	-11,2%
Phải trả dài hạn khác	204	0,1%	204	0,1%	-	0,0%
Dự phòng phải trả dài hạn	6.424	4,2%	5.682	3,6%	(742)	-11,6%
Tổng nợ phải trả	152.171	100,0%	155.696	100,0%	3.525	2,3%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

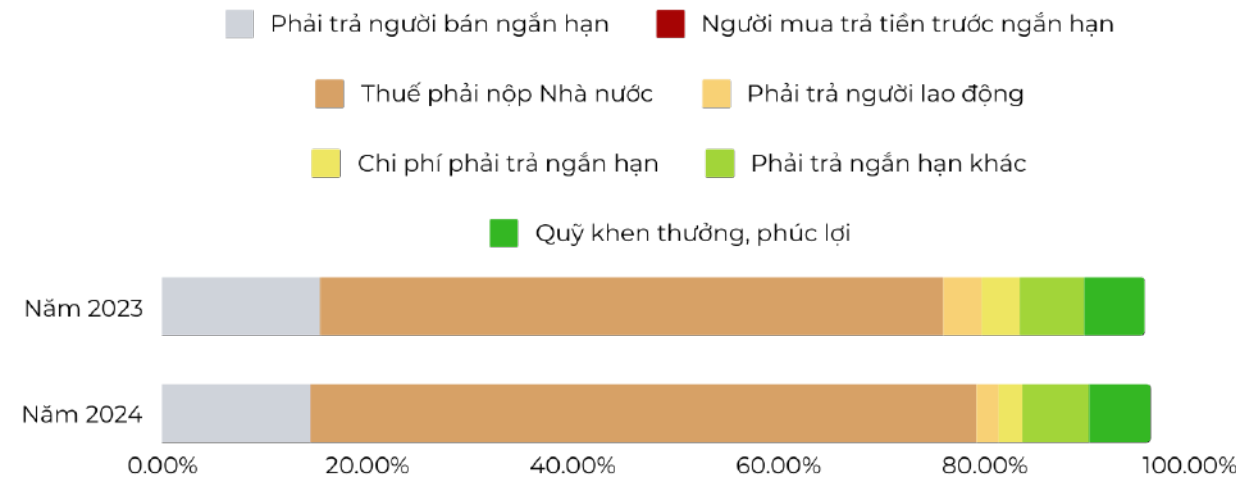


Tại thời điểm 31/12/2024, tổng nợ phải trả của Công ty là 155.696 triệu đồng, tăng 3.525 triệu đồng so với năm ngoái, tương đương mức tăng trưởng là 2,3%. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm đến 96,2% trong cơ cấu tổng nợ phải trả của Công ty.

Nợ ngắn hạn

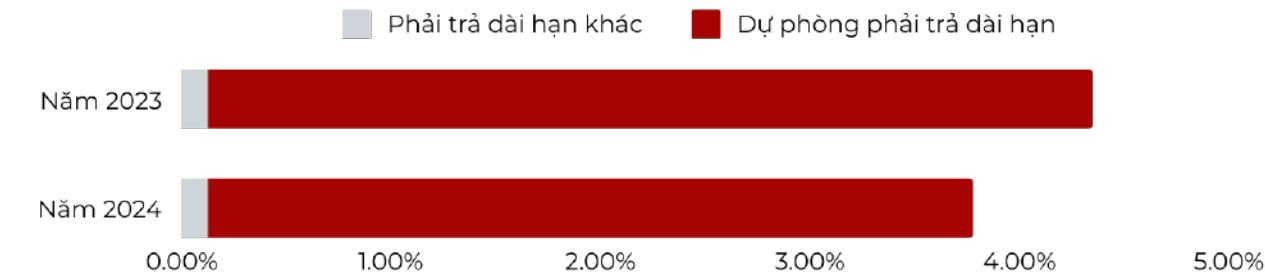
Nhìn vào tỷ trọng của nợ ngắn hạn (96,2%), có thể thấy rõ chiến lược kinh doanh của Công ty là ưu tiên tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng các khoản nợ ngắn hạn. Thuế phải nộp Nhà nước và phải trả người bán ngắn hạn là hai khoản chiếm tỷ trọng lớn trong nợ ngắn hạn của Công ty với tỷ trọng năm 2024 lần lượt là 64,8% và 14,5%. Trong đó, khoản thuế phải nộp cho Nhà nước tại ngày 31/12/2024 là 100.891 triệu đồng, tăng 8.612 triệu đồng so với năm ngoái, mức tăng này chủ yếu đến từ các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt. Các khoản phải trả ngắn hạn khác cùng quỹ khen thưởng và phúc lợi cũng ghi nhận sự tăng nhẹ trong năm, với tỷ lệ lần lượt là 5,4% và 4,6% so với năm 2023. Cơ cấu vốn của Công ty vẫn duy trì ở mức an toàn, đảm bảo khả năng thích ứng trước những biến động của thị trường trong tương lai.

Nợ ngắn hạn



Nợ dài hạn

Nợ dài hạn của Công ty trong năm giảm nhẹ 742 triệu đồng, tương đương mức giảm là 11,2% so với thời điểm đầu năm, đạt 5.886 triệu đồng. Tỷ trọng nợ dài hạn trong cơ cấu tổng nợ tiếp tục giảm đã cho thấy sự thận trọng của Công ty trong việc quản lý nợ, khi mà tình hình kinh tế toàn cầu lẫn trong nước vẫn tồn tại nhiều yếu tố bất định, có thể tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bất cứ lúc nào. Đồng thời, cấu trúc của Công ty luôn duy trì ở vùng an toàn nhằm hạn chế rủi ro về dòng tiền, đảm bảo khả năng đối phó kịp thời với những thay đổi của thị trường.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Áp dụng Phần mềm quản lý nhân sự để chuẩn hóa công tác nhân sự - tiền lương.  
Ban hành Quy định phân phối tiền lương mới nhằm chuẩn hóa quy trình phân phối cũng như đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành.  
Ban hành Chính sách đào tạo để quản lý hoạt động đào tạo, huấn luyện, thực tập nhằm duy trì và phát triển nguồn nhân lực, thực hiện chiến lược phát triển chung và kế hoạch hàng năm của Công ty.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2024	KH năm 2025	%KH 2025/ TH 2024
1	Tổng doanh thu	982.702	1.007.126	102%
2	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	356.834	359.093	101%
3	Lợi nhuận sau thuế	82.536	82.162	100%
4	Phân phối lợi nhuận, trong đó:			
	Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	7.451	6.412	86%
	Trích Quỹ Công tác xã hội	326	411	126%
	Chia cổ tức			
	- Tỷ lệ chia cổ tức	50%	50%	100%
	- Giá trị chia cổ tức	72.500	72.500	100%
5	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	359.093	361.932	101%



## GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Việc thực hiện và xử lý các chỉ tiêu môi trường như tiêu thụ điện, nước, năng lượng và quản lý phát thải đã diễn ra theo kế hoạch, hướng tới sự phát triển bền vững và việc sản xuất được liên kết chặt chẽ với bảo vệ môi trường.

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty không chỉ thực hiện trách nhiệm thông qua việc tài trợ tài chính mà còn thông qua ý thức trách nhiệm với môi trường sống sạch và an toàn tại địa bàn hoạt động. Công ty cam kết tạo ra những giá trị cuộc sống cả về vật chất lẫn tinh thần thông qua các hoạt động an sinh xã hội, văn hóa, thể thao...

### Đánh giá liên quan đến người lao động

Trong việc đánh giá liên quan đến người lao động, Công ty đã hoàn thiện và áp dụng chính sách về lương thưởng và phúc lợi từ năm 2023 nhằm đảm bảo sự ổn định, trả lương công bằng, khen thưởng tương xứng với nỗ lực đóng góp của nhân viên thông qua kết quả đánh giá KPI. Từ đó tạo được niềm tin nơi người lao động.

Đồng thời, Công ty cam kết về môi trường làm việc an toàn, đối xử tôn trọng và đặc biệt là việc chăm sóc sức khỏe cùng với việc phát triển đa dạng về đội ngũ nhân sự, tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử và đảm bảo tối đa các quyền lợi của người lao động theo quy định pháp luật





# 04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2025



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Tình hình chung

Trong năm 2024, thị trường ngành bia đã có dấu hiệu phục hồi tích cực, tạo đà phát triển cho Công ty. Chính sách giá mua sản phẩm của SABECO đã được điều chỉnh nhằm hỗ trợ các đơn vị sản xuất bù đắp sự tăng giá của nguyên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, nhìn chung, Công ty vẫn phải đối mặt với một số thách thức, bao gồm sản lượng bia chai thấp hơn so với kế hoạch, giá nguyên vật liệu và bao bì còn rất cao. Mặc dù vậy, kết quả hoạt động kinh doanh vẫn thể hiện sự tích cực nhờ vào việc tiết kiệm chi phí và nâng cao quản lý tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

### Đánh giá công tác sản xuất và giao hàng

Công ty đã đảm bảo sản lượng giao hàng đủ theo kế hoạch S&OP, phối hợp tốt cùng các đơn vị Thương mại, vận tải trong quá trình giao hàng.

### Đánh giá công tác tổ chức và điều hành

Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 theo đúng quy định và thực hiện các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ theo quy định về quản trị doanh nghiệp.

Tổ chức thành công ĐHĐCĐ bất thường vào tháng 10/2024 theo yêu cầu của nhóm cổ đông để thông qua giao dịch SABECO mua thêm cổ phần Công ty. SABECO hiện đã tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty lên 84,46%. Việc gia tăng tỷ lệ sở hữu này nhằm mục đích đầu tư dài hạn, cam kết đồng hành với sự phát triển của Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây trong thời gian tới.

Ban hành các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và Công ty con gồm: Quy chế công bố thông tin, Chính sách đào tạo và các quy định/quy trình hướng dẫn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo công tác quản lý phù hợp với tình hình hoạt động hiện tại và sở tay phân quyền của Công ty.

### Đánh giá công tác liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Duy trì tốt mối quan hệ với chính quyền địa phương, đảm bảo an sinh xã hội, nộp ngân sách đầy đủ, đúng hạn.

Ngoài các hoạt động an sinh xã hội tự thực hiện, Công ty hoàn thành các chương trình công tác xã hội khác do SABECO chủ trì. Từ đó góp phần xây dựng thương hiệu Bia Sài Gòn chung tay cùng cộng đồng

### Đánh giá công tác tài chính

Triển khai đồng bộ nhiều biện pháp thực hiện chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên 2024 đã thông qua, trong đó ưu tiên tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh. Kết quả đạt được: chỉ tiêu lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra 26% và đạt gần tương đương thực hiện 2023 trong bối cảnh áp lực chi phí đầu vào tăng cao. Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh.

Hoàn thành nghĩa vụ với cổ đông trong việc thanh toán cổ tức đầy đủ, đúng hạn, thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kịp thời

### Các hoạt động chính của Hội đồng quản trị trong năm

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và Đại hội đồng cổ đông bất thường đúng quy định.
- Thực hiện nghiêm túc việc chi trả toàn bộ cổ tức đã công bố trong vòng 6 tháng kể từ ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 với tỷ lệ 20% vào tháng 12/2024.
- Kiểm soát các chỉ tiêu kinh doanh và giá thành sản xuất định kỳ hàng quý, hàng năm.
- Phê duyệt các hạng mục đầu tư theo kế hoạch và các nội dung liên quan đến quá trình đầu tư.
- Kiện toàn các chức danh Phó giám đốc của Công ty và Công ty con cho phù hợp với sơ đồ tổ chức mới.







## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HĐQT đánh giá cao hoạt động của Giám đốc và Ban điều hành vì đã nỗ lực điều hành và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm vừa qua: kiểm soát các chỉ tiêu kinh doanh, giá thành sản xuất định kỳ hàng quý/năm, kết quả kinh doanh 2024 đạt tốt:

- » Lợi nhuận sau thuế vượt 26% so với kế hoạch năm.
- » Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ/đợt xuất theo đúng yêu cầu của HĐQT.
- » Thực hiện các biện pháp cần thiết để giảm chi phí trong bối cảnh áp lực về chi phí đầu vào, đặc biệt là trong công tác quản lý tiêu hao sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất.
- » Chất lượng sản phẩm được đảm bảo theo tiêu chuẩn của SABECO, công tác giao hàng đáp ứng theo kế hoạch đã được giao.
- » Quản lý máy móc thiết bị và công tác bảo trì bảo dưỡng được thực hiện tốt.
- » Phối hợp hiệu quả với SABECO trong việc mua hàng tập trung, và đối với các vật tư tự mua, đã chủ động thương thảo mua dự trữ để đối phó với tăng giá và tối ưu hóa chi phí giá thành.
- » Hoạt động của các nhà máy luôn được đảm bảo, duy trì môi trường sản xuất xanh sạch đẹp, tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, an sinh xã hội tại địa phương

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

- » Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ bao gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025, duy trì hoạt động báo cáo định kỳ cho HĐQT.
- » Kiểm soát ngân sách chi phí và dòng tiền, đảm bảo chi phí sử dụng vốn tối ưu nhất.
- » Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản trị sản xuất, ưu tiên mục tiêu tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất, năng lực hoạt động của hệ thống thiết bị, đảm bảo mục tiêu chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường.
- » Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo phê duyệt.
- » Đảm bảo hoạt động Công ty tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị Công ty.
- » Tiếp tục xem xét và ban hành các Quy chế về quản trị nội bộ phù hợp với định hướng của SABECO





# 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị (Tính tại ngày 31/12/2024)

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm		Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm		
1	Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch	06/10/2023		5.721.550	39,46%
2	Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên	22/04/2022		2.175.000	15,00%
3	Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên	22/04/2022		2.175.000	15,00%
5	Bà Teoh Jia Ee	Thành viên	06/10/2023		2.175.000	15,00%
5	Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên	22/04/2022		90.000	0,62%



Tất cả các thành viên HĐQT đều là thành viên không điều hành, có trình độ chuyên môn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả vào việc đảm bảo các mục tiêu kinh doanh, các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của công ty và thực hiện cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp. HĐQT tìm cách duy trì sự cân bằng chuyên môn, kỹ năng và các thuộc tính phù hợp giữa các thành viên, bao gồm các năng lực cốt lõi liên quan đến kế toán, tài chính, luật, thương mại, kiến thức chuyên môn và kế hoạch chiến lược.

Lý lịch Hội đồng quản trị



Tan Teck Chuan Lester Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1966  
Quốc tịch: Singapore  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế và Khoa học chính trị - Đại học Willamette Oregon, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Thạc sĩ khoa học chuyên ngành Marketing – Đại học TP New York, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban điều hành: Chang International Co., Ltd.  
Tổng Giám đốc, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn  
Chủ tịch HĐQT, CTCP NGK Chương Dương  
Chủ tịch HĐQT, CTCP Bia Sài Gòn - Sông Lam  
Chủ tịch, Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn  
Chủ tịch, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn  
Chủ tịch, Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh  
Thành viên HĐQT, Công ty TNHH Thủy tinh Malaya – Việt Nam

Kinh nghiệm làm việc:

Thành viên Ủy ban Điều hành/Giám đốc Điều hành ngành Bia (Thái Lan)/Phó Chủ tịch cấp cao/ Giám đốc Điều hành ngành Đồ uống không cồn, Thai Beverage Public Company Limited.  
Tổng Giám đốc ngành Bia Thái Lan, Chang Beer Company Limited  
Tổng Giám đốc ngành Bia Thái Lan, Chang International Co., Ltd  
Phó Tổng Giám đốc - Đồ uống không cồn (Thái Lan), Fraser and Leave Limited  
Chủ tịch, Sermasuk Public Company Limited  
Thành viên HĐQT, Great Brands Limited  
Thành viên HĐQT, Sermasuk Training Co., Ltd  
Thành viên HĐQT, Sermasuk Holding Co., Ltd  
Thành viên HĐQT, Sermasuk Beverage Co., Ltd  
Thành viên HĐQT, Wrangyer Beverage (2008) Co., Ltd  
Phó Tổng Giám đốc – Vận hành, Thai Drinks Co., Ltd

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 5.721.550 cổ phần, chiếm tỷ lệ 39,46% tổng số cổ phần phát hành



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Lý lịch Hội đồng quản trị (tiếp theo)

02



**Trần Nguyễn Trung**  
Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh: 1967

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT không điều hành

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Kế toán trưởng, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn

Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Thành viên HĐQT, CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Thành viên HĐQT, CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn

Kế toán trưởng, Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn

Thành viên BKS, CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm

Kinh nghiệm làm việc:

Phó trưởng Ban Kế toán – Thống kê, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn

Trưởng BKS, CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm

Trưởng BKS, CTCP Bia Sài Gòn – Kiên Giang

Trưởng BKS, CTCP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 2.175.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15% tổng số cổ phần phát hành

03



**Nguyễn Thị Kim Cúc**  
Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh: 1975

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT không điều hành

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Giám đốc mua hàng, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn

Thành viên HĐQT, CTCP Bia – NGK Sài Gòn – Tây Đô

Thành viên HĐQT, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng

Thành viên, Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Yamamura Phú Thọ

Thành viên, Công ty CPTM Bia Sài Gòn Miền Trung

Kinh nghiệm làm việc:

Giám đốc mua hàng, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn

Chuyên viên kiểm soát, Công ty TNHH Tân Đại Hải

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 2.175.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15% tổng số cổ phần phát hành

04



**Phạm Đình Hùng**  
Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh: 1956

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT không điều hành

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Kinh nghiệm làm việc:

Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây

Phó trưởng Ban cung ứng kiêm trưởng phòng Kế hoạch mua hàng, Tổng Công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn

Số lượng cổ phần sở hữu: 90.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,62% tổng số cổ phần phát hành

05



**Teoh Jia Ee**  
Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh: 1988

Quốc tịch: Malaysian

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT không điều hành

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên Hội đồng thành viên – Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Kinh nghiệm làm việc:

Risk Consultant - KPMG Singapore

Assistant manager, Enterprise risk, Corporate Planning and Strategic Projects - Ezra Holdings Limited Singapore

Manager, Corporate planning - YCH Group

Manager, Planning and Business development (M&A) - F&N Limited

Senior manager, Group Strategy and Corporate planning, CEO Office - Certis Group

Senior manager, Corporate Strategy and Business development – SABECO

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 2.175.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15% tổng số cổ phần phát hành



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Theo quy mô hoạt động, Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, các thành viên HĐQT cùng chỉ đạo và giám sát hoạt động theo năng lực chuyên môn của cá nhân với tinh thần và trách nhiệm cao nhất..

### Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2024

Trong năm HĐQT tổ chức 5 buổi họp trực tiếp/trực tuyến và 21 lần tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch HĐQT	26/26	100%	
2	Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên HĐQT	26/26	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên HĐQT	26/26	100%	
4	Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên HĐQT	26/26	100%	
5	Bà Teoh Jia Ee	Thành viên HĐQT	26/26	100%	

HĐQT duy trì các phiên họp định kỳ để quyết định các chủ trương chiến lược cũng như giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT đã thực hiện đầy đủ vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: sản xuất/bán hàng; đầu tư; các hoạt động liên quan đến cổ đông, chia cổ tức; quản trị Công ty, công bố thông tin và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

HĐQT cũng đã truyền thông đầy đủ đến cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý thông qua việc thực hiện công bố thông tin minh bạch, kịp thời và chính xác.

Tổng cộng trong năm đã có 26 nghị quyết HĐQT được ban hành để Ban điều hành làm cơ sở thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

### Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2024

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-HĐQT	31/01/2024	Thông qua thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
2	02/2024/NQ-HĐQT	27/02/2024	Chấm dứt hợp đồng lao động các Phó giám đốc Công ty	100%
3	03/2024/NQ-HĐQT	11/03/2024	Phê duyệt chế độ hỗ trợ ông Trần Hoàng Tuấn sau khi chấm dứt Hợp đồng lao động	100%
4	04/2024/NQ-HĐQT	11/03/2024	Chấp thuận Báo cáo Kết quả kinh doanh quý 4/2023 và cả năm 2023 và một số nội dung khác liên quan.	100%
5	05/2024/NQ-HĐQT	21/03/2024	Thông qua bộ tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Tây.	100%
6	07/2024/NQ-HĐQT	27/03/2024	Chốt danh sách cổ đông để chi quyết toán cổ tức năm 2023 bằng tiền.	100%
7	08/2024/NQ-HĐQT	15/04/2024	Thông qua nội dung tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2024 của Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu.	100%
8	09/2024/NQ-HĐQT	15/04/2024	Thông qua việc biểu quyết của người đại diện vốn tại Công ty CP Bia – Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	100%
9	10/2024/NQ-HĐQT	26/04/2024	Bổ nhiệm ông Lê Thành Phúc làm Phó Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây.	100%
10	11/2024/NQ-HĐQT	23/05/2024	Phê duyệt chủ trương thực hiện, Báo cáo kinh tế kỹ thuật, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục “Hệ thống xay nghiền và vận chuyển Barley” tại Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây.	100%
11	12/2024/NQ-HĐQT	12/06/2024	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Điền làm Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.	100%
12	13/2024/NQ-HĐQT	12/06/2024	Phê duyệt chủ trương thực hiện, Báo cáo kinh tế kỹ thuật, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục “Hệ thống tồn trữ và xay nghiền Barley” tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.	100%
13	14/2024/NQ-HĐQT	03/07/2024	Phê duyệt ban hành quy chế công bố thông tin của Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây	100%
14	15/2024/NQ-HĐQT	31/07/2024	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hạng mục “Hệ thống xay nghiền và vận chuyển Barley” tại Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây	100%
15	16/2024/NQ-HĐQT	13/08/2024	Chấp thuận Báo cáo KQKD quý 2/2024, lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2024	100%



>
 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
16	17/2024/NQ-HĐQT	21/08/2024	Phê duyệt Chính sách đào tạo Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây	100%
17	18/2024/NQ-HĐQT	04/09/2024	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024	100%
18	19/2024/NQ-HĐQT	04/09/2024	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hạng mục “Hệ thống tồn trữ và xay nghiền Barley” tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	100%
19	20/2024/NQ-HĐQT	07/10/2024	Thông qua các nội dung liên quan đến ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 của Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây	100%
20	21/2024/NQ-HĐQT	14/10/2024	Thông qua cập nhật tài liệu ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 của Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây	100%
21	23/2024/NQ-HĐQT	30/10/2024	Phê duyệt chủ trương thực hiện, BCKTKT, KHLCNT hạng mục “Nâng cấp hệ thống Braumat điều khiển Nấu - Lên men” tại Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây	100%
22	24/2024/NQ-HĐQT	30/10/2024	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	100%
23	25/2024/NQ-HĐQT	30/10/2024	Phê duyệt chủ trương thực hiện và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục “Thuê tư vấn thiết kế quy hoạch chi tiết 1/500” thuộc dự án “Hệ thống tồn trữ và xay nghiền barley” của Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	100%
24	26/2024/NQ-HĐQT	26/11/2024	Chấp thuận Báo cáo KQKD quý 3/2024, lũy kế 9 tháng đầu năm 2024 và ước thực hiện Quý 4/2024	100%
25	27/2024/NQ-HĐQT	27/11/2024	Phê duyệt chủ trương thực hiện, BCKTKT, KHLCNT hạng mục “Mua và sửa chữa nhà kho” tại Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây	100%
26	28/2024/NQ-HĐQT	27/11/2024	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập
 Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty
 Không có





BAN KIỂM SOÁT

Thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát (Tính tại ngày 31/12/2024)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Đoàn Tiến Dũng	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Bà Trần Thị Loan Anh	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%
3	Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%

Lý lịch Ban kiểm soát



Đoàn Tiến Dũng  
Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1977  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế  
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Trưởng Ban kiểm soát  
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:  
Giám đốc Tài chính chuỗi cung ứng, Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn  
Thành viên HĐQT, Công ty CP TM Bia Sài Gòn Trung Tâm  
Thành viên HĐQT, Công ty CP TM Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ  
Thành viên HĐQT, Công ty CP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh  
Thành viên HĐQT, Công ty CP TM Bia Sài Gòn – Miền Trung  
Thành viên HĐQT, Công ty CP Bia Sài Gòn – Hà Nội  
Kinh nghiệm làm việc:  
Trưởng phòng Tài chính – Ban Tài chính Tổng hợp, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn  
Trưởng phòng kinh doanh, Công ty TNHH Vạn Thọ  
Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần phát hành



Trần Thị Loan Anh  
Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1981  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Phòng Nguồn lực nhân sự - Hành chính  
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng BKS CTCP Bia – NGK Sài Gòn – Tây Đô  
Kinh nghiệm làm việc:  
Phó phòng, phụ trách phòng kế toán, CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây  
Phụ trách phòng kế toán, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng  
Kế toán tổng hợp, Công ty May Tây Đô  
Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH Thủy Sản Panga Mekong  
Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần phát hành



Nguyễn Văn Doanh  
Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1981  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên Ban kiểm soát  
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn – Vĩnh Long  
Kinh nghiệm làm việc:  
Kế toán trưởng, Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Sài Gòn 9  
Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Thiên Phú An  
Phó Phòng Tài chính – Kế toán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu  
Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long  
Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần phát hành



BAN KIỂM SOÁT

Các hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm BKS tổ chức 04 cuộc họp kiểm soát diễn ra vào cuối mỗi quý.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đoàn Tiến Dũng	Trưởng Ban kiểm soát	4/4	100%	
2	Bà Trần Thị Loan Anh	Thành viên Ban kiểm soát	3/4	75%	Bận công tác
3	Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên Ban kiểm soát	2/4	50%	Bận công tác

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định khác của Công ty.

Phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị và Ban điều hành nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát và hạn chế mọi rủi ro, gian lận xảy ra.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm, BKS thực hiện giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty:

- Tình hình tài chính trung thực, hợp lý;
- Công tác kế toán, thống kê, ghi chép theo chuẩn mực và Luật kế toán hiện hành;
- Các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Sự tuân thủ các quy chế quy định nội bộ;
- Sự chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến các hoạt động của Công ty;
- Kiến nghị các nội dung theo thẩm quyền.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS, HĐQT, BĐH TRONG NĂM

Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cổ đông luôn vì lợi ích chung, đảm bảo nguyên tắc tuân thủ theo quy định pháp luật, điều lệ và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Ban giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Ban kiểm soát được phản hồi những nội dung làm việc, ý kiến đóng góp cho tất cả các hoạt động của Công ty đúng định hướng theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Trong năm, các cuộc họp định kỳ của HĐQT đều có sự tham dự của đại diện Ban kiểm soát. Những kiến nghị của Ban Kiểm soát đều được ghi nhận





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: Triệu đồng

		Năm 2024				
STT	Họ và Tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị					
1	Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch HĐQT	130	-	-	
2	Trần Nguyên Trung	Thành viên	91	-	-	
3	Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên	91	-	-	
3	Phạm Đình Hùng	Thành viên	91	-	-	
5	Teoh Jia Ee	Thành viên	91	-	-	
II	Ban kiểm soát					
1	Đoàn Tiến Dũng	Trưởng BKS	91	-	-	
2	Nguyễn Văn Doanh	Thành viên	52	-	-	
3	Trần Thị Loan Anh	Thành viên	52	-	-	
III	Ban điều hành					
1	Lê Đăng Khoa	Giám đốc	-	1.199	133	
2	Lê Thành Phúc	Phó giám đốc	-	503	-	Bổ nhiệm từ 01/5/2024
3	Võ Văn Vân	Phó giám đốc	-	874	66	Chấm dứt HĐLĐ từ 01/03/2024
4	Phạm Minh Quân	Phó giám đốc	-	862	66	Chấm dứt HĐLĐ từ 01/03/2024
5	Trương Thị Mỹ Hồng	Kế toán trưởng	-	944	105	

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn	Cổ đông lớn	10.229.750	70,55%	12.246.550	84,46%	Mua cổ phiếu
2	Phạm Đình Hùng	TV.HĐQT	30.000	0,2%	90.000	0,62%	Mua cổ phiếu
3	Phạm Thu Ngân	Người liên quan đến người nội bộ	217.000	1,5%	0	0%	Bán cổ phiếu





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	0300583659	Tầng 5, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam	Năm 2024	06/2024/ NQ-ĐHĐCĐ	Hợp đồng mua nguyên vật liệu. Giá trị: 80,06 tỷ đồng
2	Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	0300583659	Tầng 5, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam	Năm 2024	06/2024/ NQ-ĐHĐCĐ	Hợp đồng hợp tác sản xuất. Giá trị: 352,26 tỷ đồng
3	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Công ty con Công ty liên quan đến người nội bộ	2200584204	Lô S, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Năm 2024	06/2024/ NQ-ĐHĐCĐ	Mượn vật tư: 0,007 tỷ đồng
4	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Sông Hậu	Công ty con cùng công ty mẹ	1800620445; 15/09/2020; Sở KHĐT TP Cần Thơ	15-25,26 Võ Nguyên Giáp, P. Phú Thứ, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ	Năm 2024	06/2024/ NQ-ĐHĐCĐ	Mua bia. Giá trị: 0,92 tỷ đồng

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
5	Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty liên quan đến người nội bộ Công ty con cùng công ty mẹ	0303140574	12 Đông Du, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, VN	Năm 2024	06/2024/ NQ-ĐHĐCĐ	Phí sử dụng vỏ chai và dịch vụ kho: 0,61 tỷ đồng.
6	Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	Công ty con cùng công ty mẹ	0305815166	215 Đào Duy Từ, Phường 06, Quận 10, TPHCM	Năm 2024	06/2024/ NQ-ĐHĐCĐ	Mua vật tư phụ tùng và dịch vụ sửa chữa: 1,86 tỷ đồng
7	CN Công ty CP Rượu Bình Tây - Nhà máy cồn Rượu Bình Dương	Công ty con cùng công ty mẹ	0302262756-003	Ô B2, Lô 42, Đường số 4, KCN Tân Đông Hiệp B, P Tân Đông Hiệp,TX Dĩ An, T Bình Dương	Năm 2024	06/2024/ NQ-ĐHĐCĐ	Mua rượu: 0,07 tỷ đồng
8	Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	Công ty liên quan đến người nội bộ Công ty con cùng công ty mẹ	0300584564; 31/01/2019; Sở KHĐT TPHCM	606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Q1, TPHCM	Năm 2024	06/2024/ NQ-ĐHĐCĐ	Mua nước ngọt Chương dương. Giá trị: 0,09 tỷ đồng.
9	Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn	Công ty con cùng công ty mẹ	0315251399; 31/8/2018; Sở KHĐT TPHCM	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Năm 2024	06/2024/ NQ-ĐHĐCĐ	Mua bia. Giá trị: 0,12 tỷ đồng



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại Công ty	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn	Công ty có liên quan đến người nội bộ		0300583659	Tầng 5, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Năm 2024	Hợp đồng mua/bán nguyên vật liệu. Giá trị: 581,66 tỷ đồng
2	Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn	Công ty có liên quan đến người nội bộ		0300583659	Tầng 5, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Năm 2024	Hợp đồng hợp tác sản xuất. Giá trị: 1.486,23 tỷ đồng
3	Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	Công ty con cùng công ty mẹ		0305815166	215 Đào Duy Từ, Phường 06, Quận 10, TPHCM	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Năm 2024	Mua vật tư phụ tùng và dịch vụ sửa chữa: 2,27 tỷ đồng
4	CN Công ty CP Rượu Bình Tây - Nhà máy cồn Rượu Bình Dương	Công ty con cùng công ty mẹ		0302262756-003	Ô B2, Lô 42, Đường số 4, KCN Tân Đông Hiệp B, P Tân Đông Hiệp,TX Dĩ An, T Bình Dương	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Năm 2024	Mua rượu: 0,07 tỷ đồng

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại Công ty	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
5	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Công ty con cùng công ty mẹ		1800620445; 15/09/2020; Sở KHĐT TP Cần Thơ	15-25,26 Võ Nguyên Giáp, phường Phú Thới, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Năm 2024	Mua bia: 0,92 tỷ đồng
6	Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	Công ty liên quan đến người nội bộ Công ty con cùng công ty mẹ		0300584564; 31/01/2019; Sở KHĐT TPHCM	606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Q1, TPHCM	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Năm 2024	Mua nước ngọt. Giá trị: 0,09 tỷ đồng.
7	Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty liên quan đến người nội bộ Công ty con cùng công ty mẹ		0303140574	12 Đông Du, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, VN	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Năm 2024	Dịch vụ kho: 1,22 tỷ đồng
8	Công ty TNHH MTV tập đoàn Bia Sài Gòn	Công ty con cùng công ty mẹ		0315251399; 31/8/2018; Sở KHĐT TPHCM	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Năm 2024	Mua bia: 0,11 tỷ đồng



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

Trong năm 2024 Công ty đã ký 02 hợp đồng (mua nguyên vật liệu và hợp tác sản xuất) với Tổng Công ty cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn. Trong đó ông Tan Teck Chuan Lester là Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn.

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành:

Không có

Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác:

Không có

### Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

- Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Bộ luật dân sự.
- Các Thông tư, quy định về quản trị công ty, hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản luật có liên quan khác.

Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp cận thông tin đối với các nhà đầu tư, Công ty bảo đảm việc truyền thông đầy đủ thông tin đến cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý đầy đủ và kịp thời. Việc công bố thông tin trong năm 2024 được thực hiện đầy đủ và kịp thời theo quy định là thể hiện trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành.

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện cập nhật Quy chế công bố thông tin nhằm tuân thủ các quy định mới nhất về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Việc công bố thông tin luôn được thực hiện song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh, qua đó tạo điều kiện cho cả cổ đông, nhà đầu tư trong nước và ngoài nước có thể dễ dàng tiếp cận thông tin.



### Kế hoạch nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị năm 2025

Tiếp tục duy trì thực hiện các quy định về quản trị công ty theo hướng công khai, minh bạch, đảm bảo tối đa lợi ích của quý Cổ đông; đảm bảo hệ thống quản trị công ty phù hợp với những thay đổi của pháp luật hiện hành có liên quan.

Cử nhân sự tham gia các hoạt động đào tạo từ các tổ chức chuyên ngành có liên quan để kịp thời cập nhật các quy định về quản trị mới nhất.

Về quản trị nội bộ: tiếp tục hoàn thiện và ban hành bổ sung các quy chế, quy định, quy trình... theo đúng nội dung quy định của sổ tay phân quyền.

Ngoài các phần mềm về kế toán, quản lý sản xuất, trong năm 2025 Công ty sẽ tiếp tục triển khai áp dụng phần mềm quản lý lương, quản lý sản xuất theo chủ trương chung của SABECO.





# 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán







	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>558.161.590.615</b>	<b>446.086.440.344</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>69.803.995.008</b>	<b>61.396.983.767</b>
Tiền	111		138.995.008	106.983.767
Các khoản tương đương tiền	112		69.665.000.000	61.290.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>329.160.000.000</b>	<b>251.214.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	329.160.000.000	251.214.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>73.269.045.633</b>	<b>54.976.957.423</b>
Phải thu của khách hàng	131	7	64.154.604.812	44.394.221.273
Trả trước cho người bán	132		1.032.196.722	1.150.196.891
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.082.244.099	9.432.539.259
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>85.052.277.908</b>	<b>77.500.199.681</b>
Hàng tồn kho	141		86.464.670.088	79.051.151.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.412.392.180)	(1.550.952.044)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>876.272.066</b>	<b>998.299.473</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		876.272.066	998.299.473

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>365.360.493.752</b>	<b>469.633.210.020</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>278.585.043.789</b>	<b>341.558.345.980</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	278.585.043.789	341.558.345.980
Nguyên giá	222		1.021.540.424.857	1.025.753.120.280
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(742.955.381.068)	(684.194.774.300)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>2.112.904.208</b>	<b>2.273.377.940</b>
Nguyên giá	231		4.011.843.370	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.898.939.162)	(1.738.465.430)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.657.078.670</b>	<b>13.615.685.892</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	13.657.078.670	13.615.685.892
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>51.285.558.143</b>	<b>90.721.703.761</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	36.804.842.743	37.520.988.361
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	13.980.715.400	13.980.715.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(c)	500.000.000	39.220.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.719.908.942</b>	<b>21.464.096.447</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	17.869.396.286	19.325.568.696
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.850.512.656	2.138.527.751
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>923.522.084.367</b>	<b>915.719.650.364</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này





Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Tây và công ty con  
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>155.695.945.427</b>	<b>152.171.368.984</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>149.809.972.013</b>	<b>145.543.233.070</b>
Phải trả người bán	311	14	22.588.517.209	23.477.217.597
Người mua trả tiền trước	312		8.541.434	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	100.890.956.212	92.278.997.922
Phải trả người lao động	314		3.356.823.671	5.723.282.070
Chi phí phải trả	315		3.590.155.260	5.611.566.689
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	10.054.780.866	9.542.971.433
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	9.320.197.361	8.909.197.359
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.885.973.414</b>	<b>6.628.135.914</b>
Phải trả dài hạn khác	337		203.974.120	203.974.120
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	5.681.999.294	6.424.161.794
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>767.826.138.940</b>	<b>763.548.281.380</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>767.826.138.940</b>	<b>763.548.281.380</b>
Vốn cổ phần	411	20	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	418	22	219.010.945.308	219.010.945.308
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		403.815.193.632	399.537.336.072
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		356.856.259.230	336.726.665.782
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm	421b		46.958.934.402	62.810.670.290
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>923.522.084.367</b>	<b>915.719.650.364</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

  
Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập

  
Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Tây và công ty con  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>961.283.257.564</b>	<b>852.798.423.223</b>
<b>Giá vốn</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>868.842.106.418</b>	<b>762.096.072.445</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>92.441.151.146</b>	<b>90.702.350.778</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	19.333.459.152	23.463.768.844
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(b)	485.054.382	881.994.784
Chi phí bán hàng	25		1.559.333.922	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	20.359.806.059	19.676.201.381
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>90.340.524.699</b>	<b>95.371.913.025</b>
Thu nhập khác	31		1.600.143.692	635.599.245
Chi phí khác	32		1.345.995.208	1.934.250.332
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>254.148.484</b>	<b>(1.298.651.087)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>90.594.673.183</b>	<b>94.073.261.938</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>29</b>	<b>7.770.342.215</b>	<b>10.670.917.663</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>29</b>	<b>288.015.095</b>	<b>(28.839.741)</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>82.536.315.873</b>	<b>83.431.184.016</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>(Điều chỉnh lại)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	5.261	5.417

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

  
Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập

  
Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Mẫu B 03 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		90.594.673.183	94.073.261.938
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		65.313.233.640	67.957.941.279
Các khoản dự phòng	03		(123.202.046)	(62.810.297)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(19.333.455.963)	(21.571.847.566)
Thu nhập từ cổ tức	05		-	(1.891.807.000)
Phần lãi trong công ty liên kết	05		(485.054.382)	(881.994.784)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(1.006.292.425)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		134.959.902.007	137.622.743.570
Biến động các khoản phải thu	09		(19.658.894.459)	(27.923.007.724)
Biến động hàng tồn kho	10		(7.413.518.363)	17.323.279.381
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		2.438.981.421	24.260.295.059
Biến động chi phí trả trước	12		2.350.610.683	(1.026.133.079)
			112.677.081.289	150.257.177.207
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.742.500.558)	(9.150.945.930)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.663.954.966)	(7.975.561.217)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		99.270.625.765	133.130.670.060
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.032.349.481)	(21.161.711.125)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.676.834.708	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(300.100.000.000)	(350.434.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		260.874.000.000	236.249.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		21.619.375.249	21.151.038.705
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.962.139.524)	(114.195.672.420)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu B 03 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền trả cổ tức	36		(71.901.475.000)	(29.324.759.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(71.901.475.000)	(29.324.759.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		8.407.011.241	(10.389.761.360)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		61.396.983.767	71.786.745.127
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	69.803.995.008	61.396.983.767

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

  
Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập

  
Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu và nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát và đồ xuất khẩu; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

Các hoạt động chính của công ty con được trình bày tại Thuyết minh 1(d).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2024: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2024	1/1/2024
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>				
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
<hr/>				
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20%	20%
<hr/>				

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty có 198 nhân viên (1/1/2024: 201 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Nhóm Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



(e) **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 20 năm

(g) **Bất động sản đầu tư**

**Bất động sản đầu tư cho thuê**

**Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	8 – 25 năm
----------------------------	------------

(h) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu định và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) **Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo luật và quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 35 năm.



(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai và kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

*Dự phòng trợ cấp thôi việc*

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

*Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	75.460.700	43.936.800
Tiền gửi ngân hàng	63.534.308	63.046.967
Các khoản tương đương tiền	69.665.000.000	61.290.000.000
	69.803.995.008	61.396.983.767

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi 4,75% một năm (1/1/2024: từ 2,30% đến 3,40% một năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,30% đến 5,50% một năm (1/1/2024: từ 4,90% đến 9,20% một năm).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2024			1/1/2024		
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi số/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào:</b>						
Công ty liên kết						
• Công ty Cổ phần bía Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400	20,00%	36.804.842.743	-	16.096.080.000	2.402.400
						37.520.988.361
<b>Đơn vị khác:</b>						
• Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*) 1.891.807	13.980.715.400
						(*)
			50.785.558.143	-		51.501.703.761
				-		-

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết.

(\*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

12  
11  
10  
9  
8  
7  
6  
5  
4  
3  
2  
1

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	37.520.988.361	39.041.393.577
Phản lãi trong công ty liên kết	485.054.382	881.994.784
Cổ tức được nhận	(1.201.200.000)	(2.402.400.000)
Số dư cuối năm	36.804.842.743	37.520.988.361

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng nguồn vốn VND	Lợi nhuận thuần sau thuế VND
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	257.239.335.114	73.215.121.395	184.024.213.719	1.935.274.811
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	246.426.268.736	58.821.326.930	187.604.941.806	4.409.973.919

(c) **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 5,50% một năm (1/1/2024: 4,90% một năm).



Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	63.453.994.936	43.794.015.220
Các khách hàng khác	700.609.876	600.206.053
	64.154.604.812	44.394.221.273

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	63.453.994.936	43.794.015.220
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	314.842.681	29.930.538

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi được khi có yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu lãi tiền gửi	8.066.345.946	8.205.161.732
Phải thu về cổ tức được chia	-	945.903.500
Phải thu khác	15.898.153	281.474.027
	8.082.244.099	9.432.539.259

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2024 Giá gốc VND	Dự phòng VND	1/1/2024 Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.482.148.592	-	-	-
Nguyên vật liệu	38.785.390.837	-	33.805.278.034	-
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	6.915.316.728	(1.412.392.180)	7.382.839.559	(1.550.952.044)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.265.567.030	-	25.920.408.014	-
Thành phẩm	11.855.290.501	-	11.928.021.958	-
Hàng hóa	160.956.400	-	14.604.160	-
	86.464.670.088	(1.412.392.180)	79.051.151.725	(1.550.952.044)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 1.412 triệu VND (1/1/2024: 1.551 triệu VND) là phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	1.550.952.044	1.613.762.341
Dự phòng trích lập trong năm	1.102.662.914	314.314.070
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(1.241.222.778)	(377.124.367)
Số dư cuối năm	1.412.392.180	1.550.952.044



10. Tài sản cố định hữu hình

	Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	184.581.962.255	809.858.153.194	14.790.060.212	16.522.944.619	1.025.753.120.280	
Tăng trong năm	-	120.000.000	-	-	120.000.000	
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.730.000.000	-	-	2.730.000.000	
Thanh lý	-	(7.062.695.423)	-	-	(7.062.695.423)	
Số dư cuối năm	184.581.962.255	805.645.457.771	14.790.060.212	16.522.944.619	1.021.540.424.857	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	94.765.550.126	561.894.970.555	12.407.865.832	15.126.387.787	684.194.774.300	
Khấu hao trong năm	7.758.270.368	56.249.895.589	794.318.821	350.275.130	65.152.759.908	
Thanh lý	-	(6.392.153.140)	-	-	(6.392.153.140)	
Số dư cuối năm	102.523.820.494	611.752.713.004	13.202.184.653	15.476.662.917	742.955.381.068	
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	89.816.412.129	247.963.182.639	2.382.194.380	1.396.556.832	341.558.345.980	
Số dư cuối năm	82.058.141.761	193.892.744.767	1.587.875.559	1.046.281.702	278.585.043.789	

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá là 112.426 triệu VND (1/1/2024: 101.332 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị tạm thời nhân rồi trong tài sản cố định hữu hình là 2.322 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 5.656 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.738.465.430
Khấu hao trong năm	160.473.732
Số dư cuối năm	1.898.939.162
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.273.377.940
Số dư cuối năm	2.112.904.208

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc định giá.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	13.615.685.892	1.079.404.178
Tăng trong năm	3.543.803.644	12.609.212.726
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.730.000.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(72.931.012)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(772.410.866)	-
Số dư cuối năm	13.657.078.670	13.615.685.892

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính cuối kỳ kế toán như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí giải phóng mặt bằng cho dự án nhà máy mới	12.632.749.763	12.632.749.763
Các công trình khác	1.024.328.907	982.936.129
	13.657.078.670	13.615.685.892



13. Chi phí trả trước dài hạn

	Tiền thuê đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Bao bì luân chuyển VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	10.226.412.703	6.961.353.519	590.708.425	1.547.094.049	19.325.568.696
Tăng trong năm	-	2.882.064.636	-	350.399.277	3.232.463.913
Phân loại lại	-	(5.196.441.605)	-	5.196.441.605	-
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	115.388.890	-	-	115.388.890
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	772.410.866	772.410.866
Phân bổ trong năm	(465.474.648)	(1.833.958.053)	(590.708.425)	(2.686.294.953)	(5.576.436.079)
Số dư cuối năm	9.760.938.055	2.928.407.387	-	5.180.050.844	17.869.396.286

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	15.125.455.542	16.754.284.773
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	1.044.220.400	1.676.040.000
Các nhà cung cấp khác	6.418.841.267	5.046.892.824
	22.588.517.209	23.477.217.597

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	15.125.455.542	16.754.284.773
<b>Các công ty liên quan</b>		
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	1.008.714.032	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	93.330.540

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.



15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	Số được hoàn VND	31/12/2024 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	78.461.265.222	893.288.921.094	(885.274.423.138)	-	-	86.475.763.178
Thuế giá trị gia tăng	10.128.242.950	184.546.260.805	(118.344.168.538)	(65.911.077.678)	-	10.419.257.539
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.338.544.743	7.770.342.215	(7.742.500.558)	-	-	3.366.386.400
Thuế thu nhập cá nhân	77.414.364	2.571.959.942	(2.389.178.299)	-	(21.404.974)	238.791.033
Tiền thuế đất	273.530.643	919.132.431	(801.905.012)	-	-	390.758.062
Các loại thuế khác	-	13.589.701	(13.589.701)	-	-	-
	92.278.997.922	1.089.110.206.188	(1.014.565.765.246)	(65.911.077.678)	(21.404.974)	100.890.956.212

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	5.172.452.808	4.573.927.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.335.156.640	1.490.962.820
Phải trả khác	3.547.171.418	3.478.080.805
	10.054.780.866	9.542.971.433

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	8.909.197.359	8.517.588.191
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh 19)	6.251.000.000	5.839.999.998
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	(955.565.350)	2.581.818.387
Sử dụng quỹ trong năm	(4.884.434.648)	(8.030.209.217)
Số dư cuối năm	9.320.197.361	8.909.197.359

18. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	6.424.161.794	6.369.513.794
Dự phòng trích lập trong năm	15.357.818	54.648.000
Dự phòng sử dụng trong năm	(757.520.318)	-
Số dư cuối năm	5.681.999.294	6.424.161.794



19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	145.000.000.000	219.010.945.308	353.419.056.336	717.430.001.644
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	83.431.184.016	83.431.184.016
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(5.839.999.998)	(5.839.999.998)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 (Thuyết minh 17)	-	-	(2.581.818.387)	(2.581.818.387)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(280.513.728)	(280.513.728)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội năm 2022	-	-	389.427.833	389.427.833
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	145.000.000.000	219.010.945.308	399.537.336.072	763.548.281.380
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	82.536.315.873	82.536.315.873
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(72.500.000.000)	(72.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(6.251.000.000)	(6.251.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (Thuyết minh 17)	-	-	955.565.350	955.565.350
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(326.381.471)	(326.381.471)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội năm 2023	-	-	(136.642.192)	(136.642.192)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	145.000.000.000	219.010.945.308	403.815.193.632	767.826.138.940

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024 Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 26 tháng 3 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông là 58.000 triệu VND (tương đương 4.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023, trong đó 14.500 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong kỳ 2023 (2023: 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2022).

Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty ngày 26 tháng 11 năm 2024 đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 29.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 (2023: 14.500 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	2.631.655.656	1.723.389.838
Từ hai đến năm năm	9.415.490.020	5.567.006.522
Sau năm năm	93.366.075.854	50.149.605.976
	105.413.221.530	57.440.002.336

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được phê duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.701.999.847	636.666.667

(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2024	1/1/2024
Chai	Chai	1.413.504	683.404

24. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị thành phẩm đã bán, doanh thu cho thuê và cung cấp dịch vụ, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	944.838.748.786	838.077.114.663
▪ Cho thuê	1.826.071.397	365.928.000
▪ Cung cấp dịch vụ	289.651.799	216.067.725
▪ Khác	14.328.785.582	14.139.312.835
	961.283.257.564	852.798.423.223

25. Giá vốn

	2024 VND	2023 VND
Thành phẩm đã bán	867.425.799.262	760.782.384.998
Chi phí từ hoạt động cho thuê	570.390.440	123.669.876
Dịch vụ đã cung cấp	264.939.684	193.079.688
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(138.559.864)	(62.810.297)
Giá vốn khác	719.536.896	1.059.748.180
	868.842.106.418	762.096.072.445

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	19.333.455.963	21.571.847.566
Thu nhập từ cổ tức	-	1.891.807.000
Doanh thu tài chính khác	3.189	114.278
	19.333.459.152	23.463.768.844



Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	13.026.272.310	12.349.850.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.085.210.212	2.121.003.966
Chi phí khấu hao	886.418.138	1.035.969.099
Chi phí quản lý khác	4.361.905.399	4.169.378.214
	20.359.806.059	19.676.201.381

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	723.817.562.095	618.169.370.860
Chi phí nhân công và nhân viên	52.308.274.930	47.656.499.790
Chi phí khấu hao	64.234.243.487	66.179.618.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.581.216.991	33.548.573.171
Chi phí khác	15.819.948.896	16.218.211.862

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2024 VND	2023 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	7.770.342.215	9.952.429.246
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	718.488.417
	7.770.342.215	10.670.917.663
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	288.015.095	(28.839.741)
	8.058.357.310	10.642.077.922

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	90.594.673.183	94.073.261.938
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	18.118.934.637	18.814.652.388
Chi phí không được khấu trừ thuế	374.702.141	395.238.267
Thu nhập được miễn thuế	(97.010.876)	(554.760.357)
Ưu đãi thuế	(3.398.419.418)	(3.256.080.693)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với thu nhập khác	368.968.311	785.228.817
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(7.119.157.990)	(6.276.525.328)
Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(189.659.495)	15.836.411
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	718.488.417
	8.058.357.310	10.642.077.922

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”)

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

(ii) Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng (“Công ty con”)

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty con được có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2014) và theo mức thuế suất thu nhập thông thường trong các năm tiếp theo. Đồng thời, Công ty con được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.



30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chỉ tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	82.536.315.873	83.431.184.016
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.251.000.000)	(4.884.434.648)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	76.285.315.873	78.546.749.368

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 14.500.000 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND (Điều chỉnh lại) (*)	2023 VND (Theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.261	5.417	5.351

(\*) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc điều chỉnh số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi như đề cập ở trên.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.838.127.669.880	1.624.043.132.270
Doanh thu cho thuê	268.091.799	367.124.970
Bán nguyên vật liệu bao bì	95.700.000	-
Mua nguyên vật liệu	661.415.987.032	540.282.161.783
Mua phần mềm máy tính	308.652.000	-
Cổ tức đã trả	55.182.350.000	20.459.500.000
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu</b>		
Cổ tức đã nhận	1.201.200.000	2.402.400.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co</b>		
Mua dịch vụ	375.000.000	194.245.000
Mua công cụ và dụng cụ	393.551.800	665.945.062
Mua tài sản cố định	3.358.000.000	1.945.975.273
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Mua hàng hóa	1.840.710.840	1.879.854.130
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Bán nguyên vật liệu	-	284.375.000
Doanh thu cho thuê	1.765.331.033	27.209.580
Chi phí nhân công	4.393.140	5.581.580
Phí sử dụng bao bì	61.160.900	85.811.052
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa	233.629.520	-
<b>Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hóa	182.297.069	64.310.910
<b>Công ty Cổ Phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua nguyên vật liệu	142.812.000	56.368.000



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô</b>		
Bán nguyên vật liệu	-	33.408.000
Mua hàng hoá	-	26.714.000
Cổ tức đã nhận	-	1.891.807.000
<b>Công ty TNHH Thủy tinh Malaya - Việt Nam</b>		
Mua phế liệu	-	495.642.290
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	25.588.400
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao		
Ông Tan Teck Chuan Lester	130.000.000	32.500.000
Ông Teoh Jie Ee	91.000.000	22.750.000
Ông Trần Nguyên Trung	91.000.000	91.000.000
Ông Phạm Đình Hùng	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	91.000.000	91.000.000
Ông Neo Gim Siong Bennett	-	97.500.000
Ông Nguyễn Văn Đồi	-	68.250.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Thù lao	195.000.000	692.902.078
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Lương, thù lao và các phúc lợi khác	3.703.951.115	3.458.569.197

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2024 VND	2023 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	977.367.200	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 30. Các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

  
Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập

  
Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng

  
Lê Đăng Khoa  
Giám đốc



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**

Cần Thơ, ngày 28 tháng 03 năm 2025 

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



 28/3

**TAN TECK CHUAN LESTER**  
**CHỦ TỊCH HĐQT** 





[www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)



02923 843 333



Khu công nghiệp Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ

